

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên :

Đặng Ngọc Linh

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP
MESSER HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Ngọc Linh

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Ngọc Linh

Mã SV: 1312401154

Lớp : QT 1702K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH
Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

❖ Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp:

- Tìm hiểu lý luận về công tác vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
- Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

❖ Các tài liệu, số liệu cần thiết:

- Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán vốn bằng tiền tháng 12 năm 2020 tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

❖ Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.
- Địa chỉ: Thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp M Hải Phòng.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Đặng Ngọc Linh

Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Văn Thụ**
Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**
Họ và tên sinh viên: **Đặng Ngọc Linh.** Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên **Đặng Ngọc Linh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (tháng 12 năm 2020). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/214 TT-BTC..... | 2 |
| 1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: | 2 |
| 1.1.1. Sự cần thiết của vốn bằng tiền: | 2 |
| 1.1.2. Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: | 2 |
| 1.1.3. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền: | 3 |
| 1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:..... | 4 |
| 1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT BTC:..... | 4 |
| 1.2.1.Những quy định khi hạch toán vốn bằng tiền: | 4 |
| 1.2.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:..... | 5 |
| 1.2.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:..... | 11 |
| 1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp:..... | 18 |
| 1.3. Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: | 20 |
| 1.3.1. Hình thức nhật ký chung: | 20 |
| 1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ:..... | 22 |
| 1.3.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ: | 23 |
| 1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:..... | 25 |
| 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính:..... | 26 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG..... | 29 |
| 2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:..... | 29 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 29 |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty:..... | 30 |
| 2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động: | 31 |
| 2.1.4. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty:..... | 31 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công Ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng: | 35 |
| 2.2. Thực trạng công tác vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 39 |
| 2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 39 |
| 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 57 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG..... | 78 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 78 |
| 3.1.1. Ưu điểm:..... | 78 |
| 3.1.2. Hạn chế:..... | 80 |
| 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 81 |
| 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện: | 81 |
| 3.2.2. Mục đích và yêu cầu hoàn thiện:..... | 81 |
| 3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng: | 82 |
| KẾT LUẬN | 90 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 91 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

- Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam
- Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Ngoại Tệ
- Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ
- Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng (Tiền Việt Nam)
- Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại Tệ
- Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Vàng Ngoài Tệ
- Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển
- Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký Chung
- Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ
- Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký –
Chứng Từ
- Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký – Sổ
Cái
- Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế Toán Máy
- Sơ đồ 2.1: Sơ đồ về bộ máy kế toán của công ty
- Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty
- Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty
TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng
- Sơ đồ 2.4 : Quy trình luân chuyển phiếu thu
- Sơ đồ 2.5 : Quy trình luân chuyển phiếu chi
- Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty TNHH Khí Khí công
nghiệp Messer Hải Phòng
- Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty
TNHH Khí Messer Khí công nghiệp Hải Phòng

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

- Biểu số 2.1: Phiếu thu số 1095
- Biểu số 2.2: Hoá đơn giá trị gia tăng 0000888
- Biểu số 2.3: Phiếu thu số 1121
- Biểu số 2.4: Hoá đơn giá trị gia tăng 0000923
- Biểu số 2.5: Giấy đề nghị thanh toán
- Biểu số 2.6: Phiếu chi số 1141
- Biểu số 2.7: Hoá đơn giá trị gia tăng 0000987
- Biểu số 2.8: Phiếu chi số 1162
- Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung
- Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 111
- Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt
- Biểu số 2.12: Hoá đơn giá trị gia tăng 0000842
- Biểu số 2.13: Giấy báo có số 1032
- Biểu số 2.14: Giấy báo có số 1041
- Biểu số 2.15: Giấy rút tiền
- Biểu số 2.16: Giấy báo nợ số 1255
- Biểu số 2.17: Phiếu thu số 1235
- Biểu số 2.18: Hoá đơn giá trị gia tăng 0000952
- Biểu số 2.19: Phiếu duyệt chi
- Biểu số 2.20: Ủy nhiệm chi
- Biểu số 2.21: Giấy báo nợ của ngân hàng số 1328
- Biểu số 2.22: Trích trang Nhật ký chung
- Biểu số 2.23: Sổ tiền gửi ngân hàng
- Biểu số 2.24: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng
- Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ
- Biểu số 3.2: Bảng kiểm kê

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi một doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường thì cũng đều phải đối mặt với cuộc chiến tranh thương mại diễn ra vô cùng ác liệt. Cả môi trường bên trong và bên ngoài đều sẽ tác động chi phối rất lớn đến doanh nghiệp do đó đòi hỏi các doanh nghiệp luôn luôn nhận thức, đánh giá được tiềm năng của mình trên thị trường để có thể tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển, để đạt được điều đó thì kế toán là một bộ phận không thể thiếu trong việc cấu thành doanh nghiệp. Có thể nói kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản lý, nó không ngừng phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp mà nó còn phản ánh tình hình chi phí, lợi nhuận hay kết quả.

Do đó, hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ về vốn và đảm bảo cho việc sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất, hạn chế mức thấp nhất tình trạng ứ đọng vốn hoặc thiếu vốn đảm bảo cho việc hiệu quả tối ưu nhất. Vì vậy, không thể không nhắc đến vai trò của kế toán trong việc quản lý vốn, từ đó vốn bằng tiền đóng vai trò là cơ sở ban đầu, đồng thời theo suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Với kiến thức đã học và thực tế tìm hiểu tại đơn vị thực tập em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng”** làm đề tài tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận bao gồm 3 chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT-BTC

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

Trong thời gian là thực hiện khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ của thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và đặc biệt là sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của ThS. Nguyễn Văn Thụ. Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Do đó em rất mong được tiếp thu và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/214 TT-BTC

1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1. Sự cần thiết của vốn bằng tiền:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền của doanh nghiệp vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hay thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và cũng là nguyên nhân chính gây kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó, vốn bằng tiền đóng một vai trò hết sức quan trọng và to lớn trong việc đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Đối với bất kì doanh nghiệp lớn hay nhỏ một khi đã bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải cần một lượng vốn bằng tiền nhất định. Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách thường xuyên và hiệu quả.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

➤ *Khái niệm vốn bằng tiền:*

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Vốn bằng tiền là tài sản của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển với tính linh hoạt cao nhất, vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí hoạt động.

➤ *Đặc điểm vốn bằng tiền:*

Trong quá trình kinh sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua, bán và thu hồi các khoản nợ. Việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các quy định nguyên tắc trong pháp luật của nhà nước Việt Nam cần được rõ ràng, minh bạch.

Tiền vốn trong doanh nghiệp được phân loại theo các các khác nhau và theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam như: Đồng Đô La Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EURO), đồng yên Nhật (JPY)...

- Vàng tiền tệ: Là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Và theo trạng thái tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm :

- Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện đang giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ mà doanh nghiệp gửi tại tài khoản Ngân hàng của doanh nghiệp.

- Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:

Vai trò của việc quản lý tốt vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán đó là góp phần phát triển và lưu thông hệ thống tiền tệ trong doanh nghiệp. Bởi vậy, kế toán về vốn bằng tiền là một bộ phận rất quan trọng trong bộ máy kế toán tại doanh nghiệp.

- Quản lý vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong doanh nghiệp sẽ đảm bảo tốt các mối quan hệ tác động qua lại giao dịch giữa các thành phần kinh tế. Nó cũng góp phần kích thích nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Góp phần giúp doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, có sức cạnh tranh và đứng vững trên thị trường.

- Vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán là cơ sở để đánh giá thực lực tài chính của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Từ đó nhằm tạo niềm tin của các đối tác có quan hệ với doanh nghiệp.

- Là cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Điều này sẽ thể hiện thông qua vòng lưu chuyển tiền tệ có nhanh chóng hiệu quả hay không.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

- Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu dữ liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng giảm khi sử dụng tiền ngân hàng thanh toán các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân khiến tiền đang chuyển bị chậm để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp để chuyển tiền kịp thời.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ và phát hiện chênh lệch vốn bằng tiền.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT BTC:

1.2.1. Những quy định khi hạch toán vốn bằng tiền:

- Sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch để ghi sổ kế toán.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người ghi chép, xuất quỹ theo quỹ định của chế độ chứng từ kế toán.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và nghĩ biện pháp để xử lý chênh lệch.

1.2.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt doanh nghiệp được tập chung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp (TK 111):

Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ. Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 111

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá bình quân gia quyền di động hoặc tỷ giá giao dịch thực tế.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu (Mẫu số: 01 – TT): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi (Mẫu số: 02 – TT): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: 05 – TT): dùng để tổng hợp các khoản chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

- Biên lai thu tiền (Mẫu số: 06 – TT): là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu,

nộp tiền vào quỹ đồng thời để người nộp thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 “ Tiền Mặt”:

+ TK 111 “Tiền mặt”: Phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

Số dư đầu kỳ bên nợ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.

Phát sinh bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

- Các khoản tiền mặt , ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.

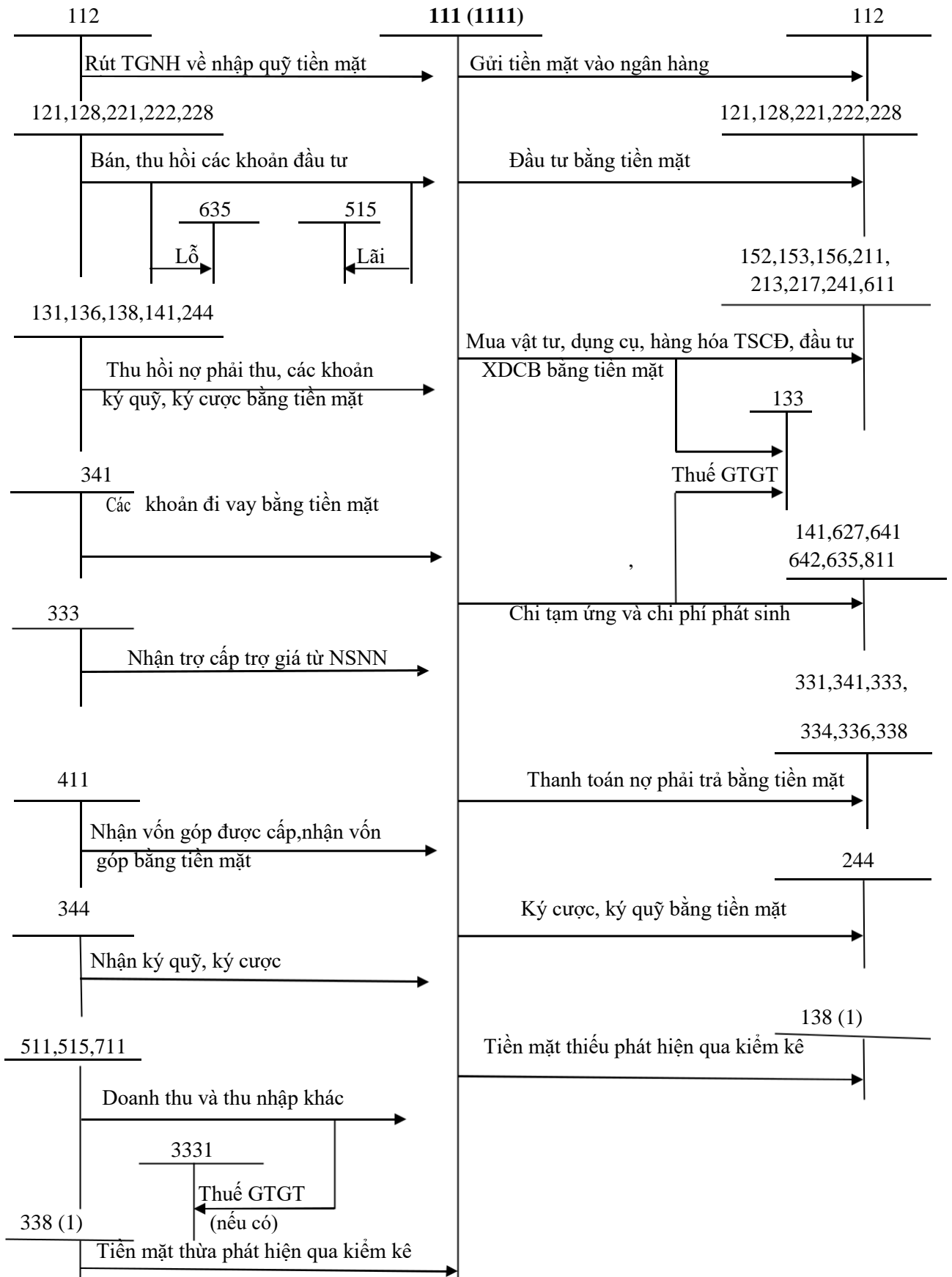
+ TK 111 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến đổi và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ doanh nghiệp.

1.2.2.4. Kế toán tổng hợp tiền mặt tại quỹ:

a. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam:

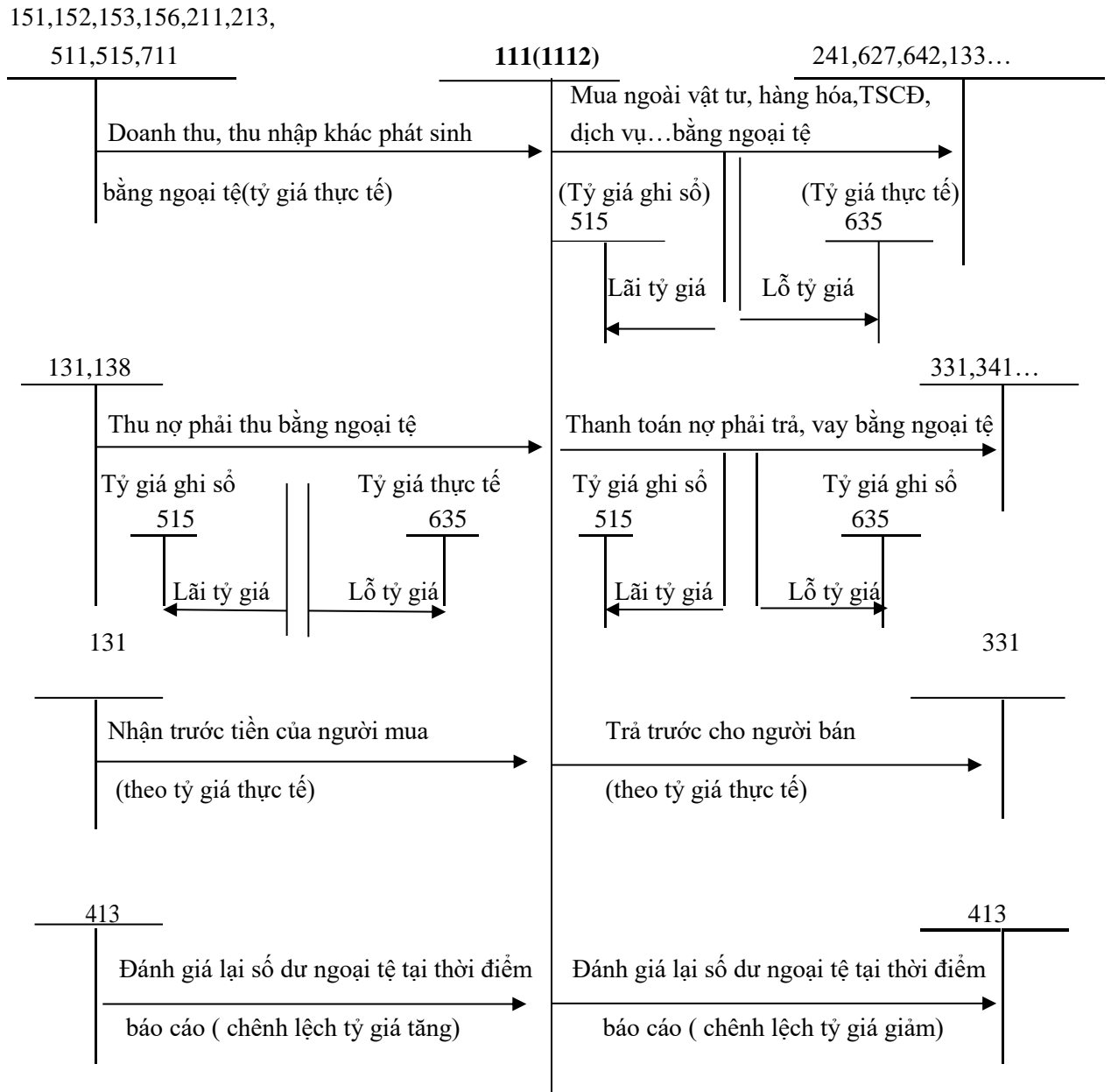
Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Tiền Việt Nam.

b. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ:

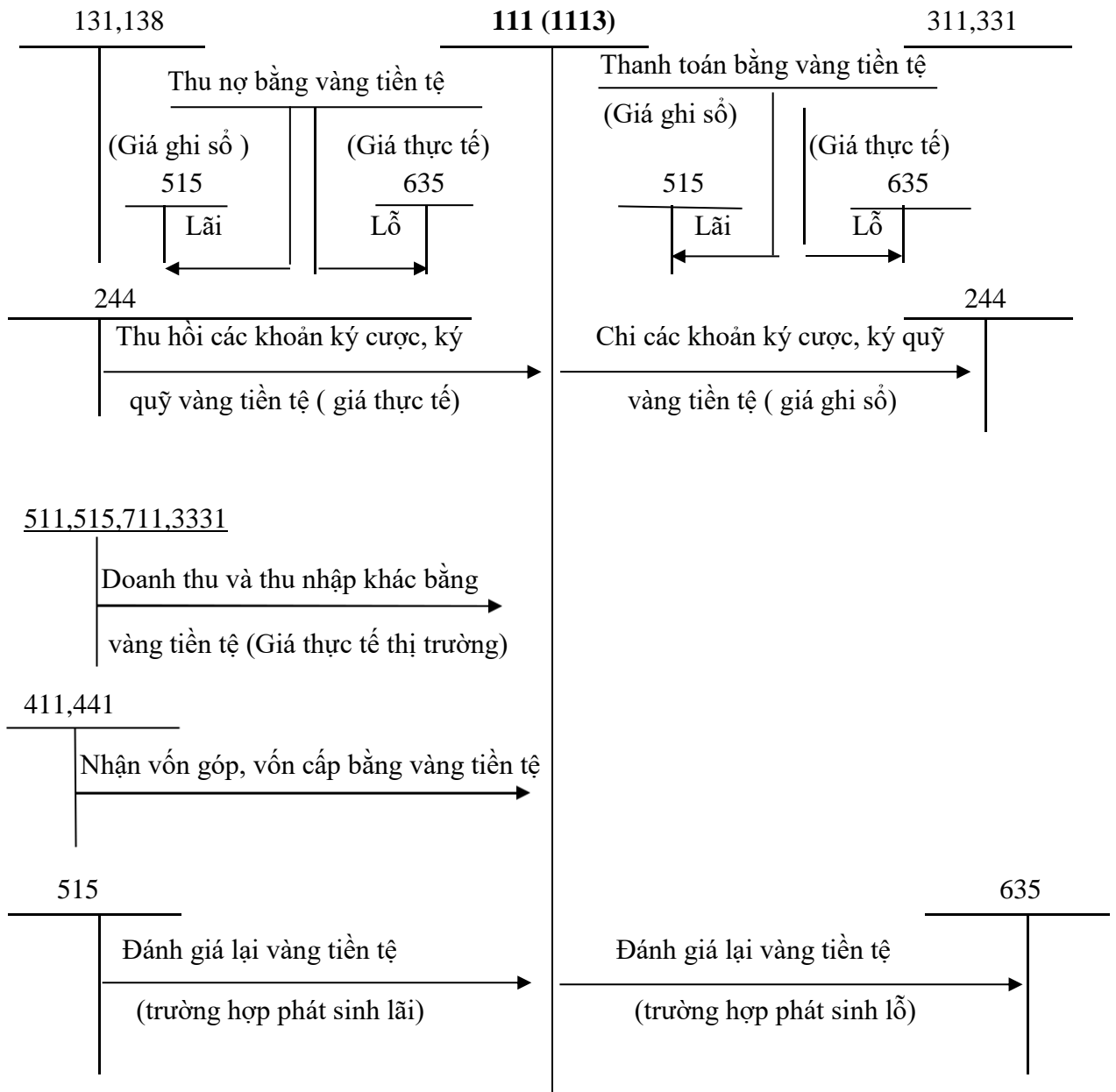
Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ:

Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ

1.2.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ lại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp (TK 112):

Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

+ Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

+ Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

+ Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

+ Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1122: áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

- Bên Có TK 1122: áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

+ Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Giấy báo nợ: Là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- Giấy báo có: Là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.

- Bảng sao kê của ngân hàng: Là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp.
- Ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.
- Ủy nhiệm chi: Là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng phát hành gửi vào ngân hàng nhờ thu hộ tiền từ người mua hàng hóa dịch vụ.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng:
+ TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

Số dư đầu kỳ bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn gửi lại Ngân hàng.

Phát sinh bên nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn giữ tại Ngân hàng.

+ TK 112 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- ✓ TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- ✓ TK 1123 – Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

1.2.3.4. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi,...).

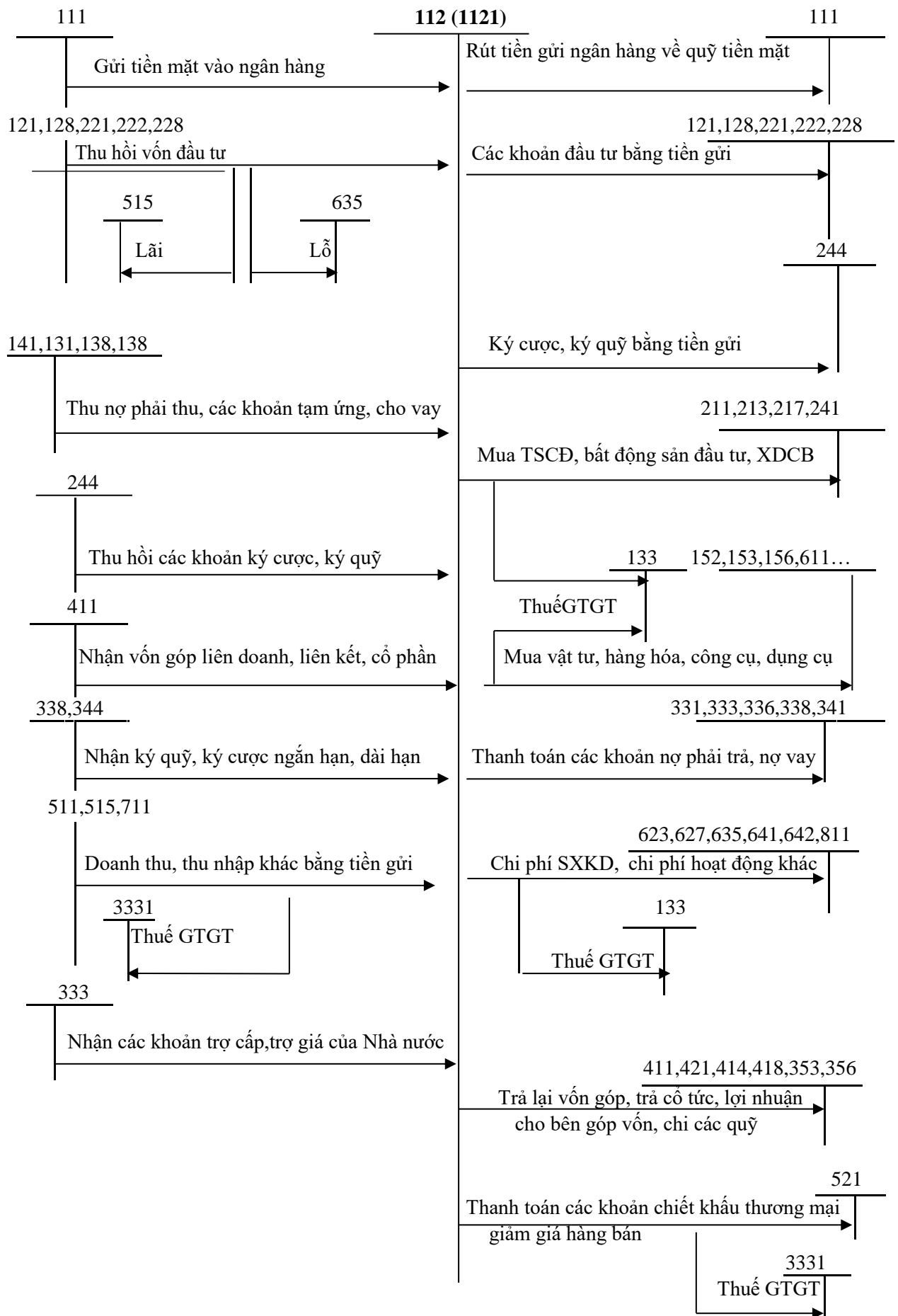
Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

a. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam:

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

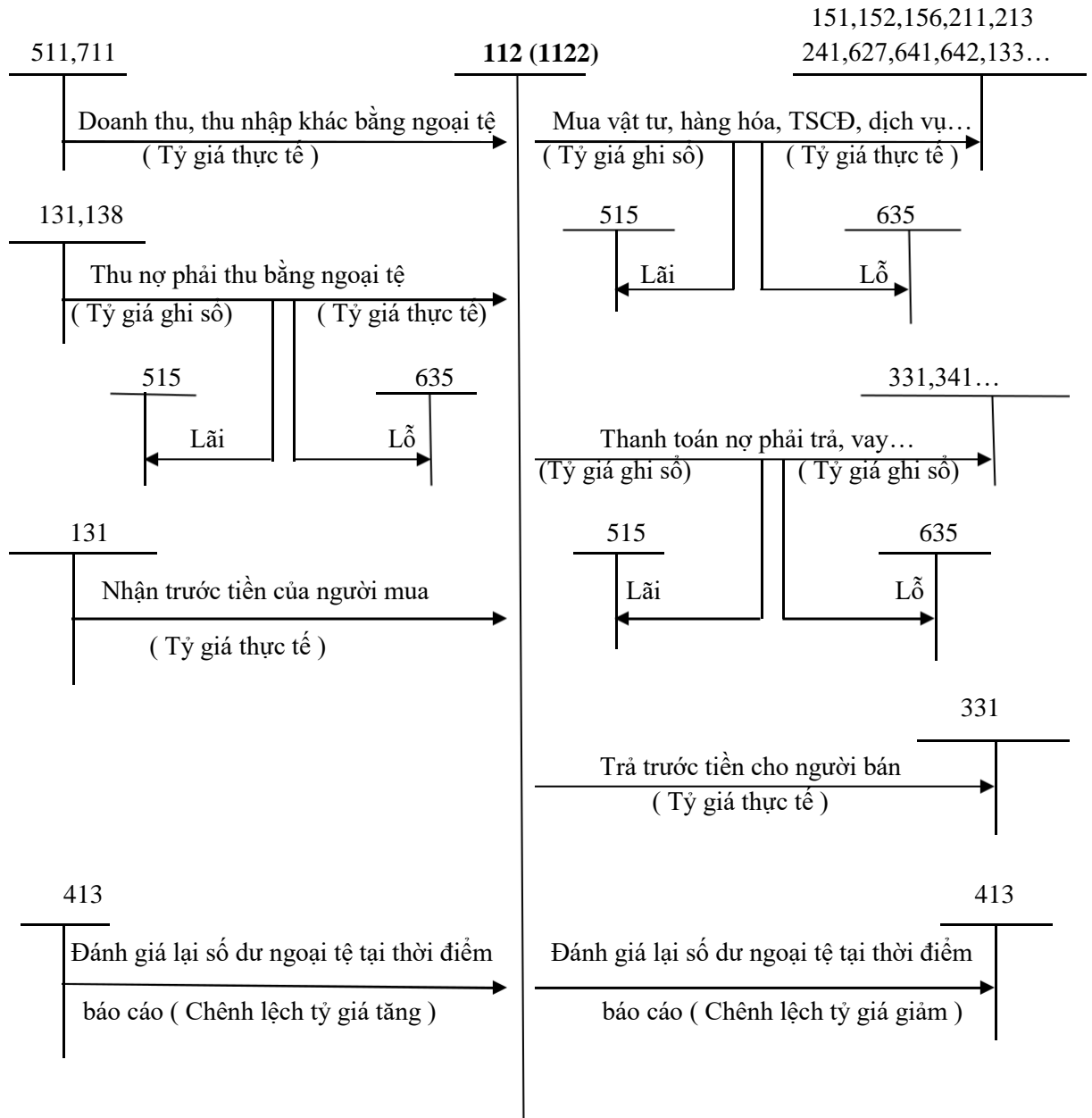
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam)

b. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ:

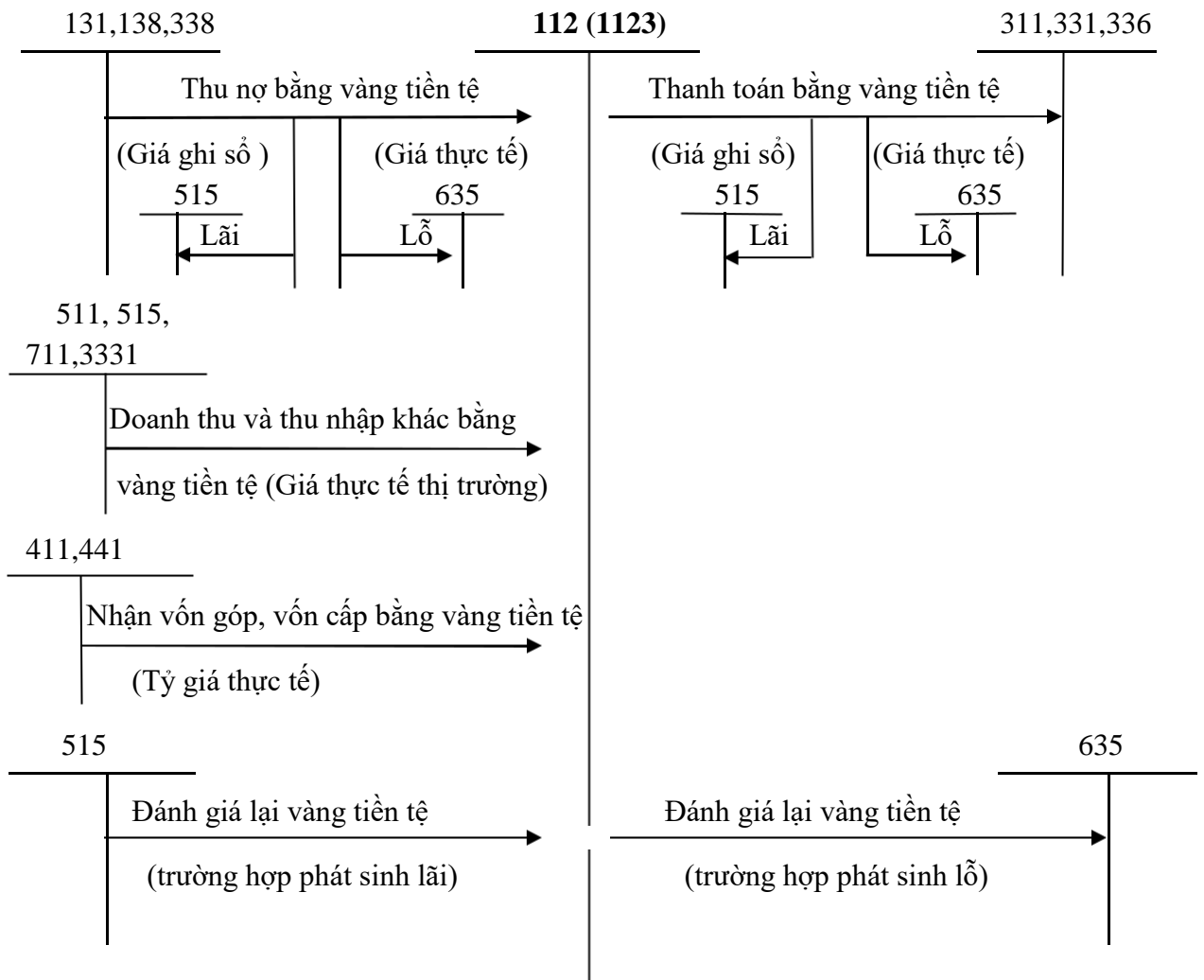
Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ:

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp:

1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp(TK113) :

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của Ngân hàng.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ khác liên quan

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển:

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 - “ Tiền đang chuyển”:

Số dư đầu kỳ: Khoản tiền đang còn chuyển đầu kỳ.

Phát sinh bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Phát sinh bên Có:

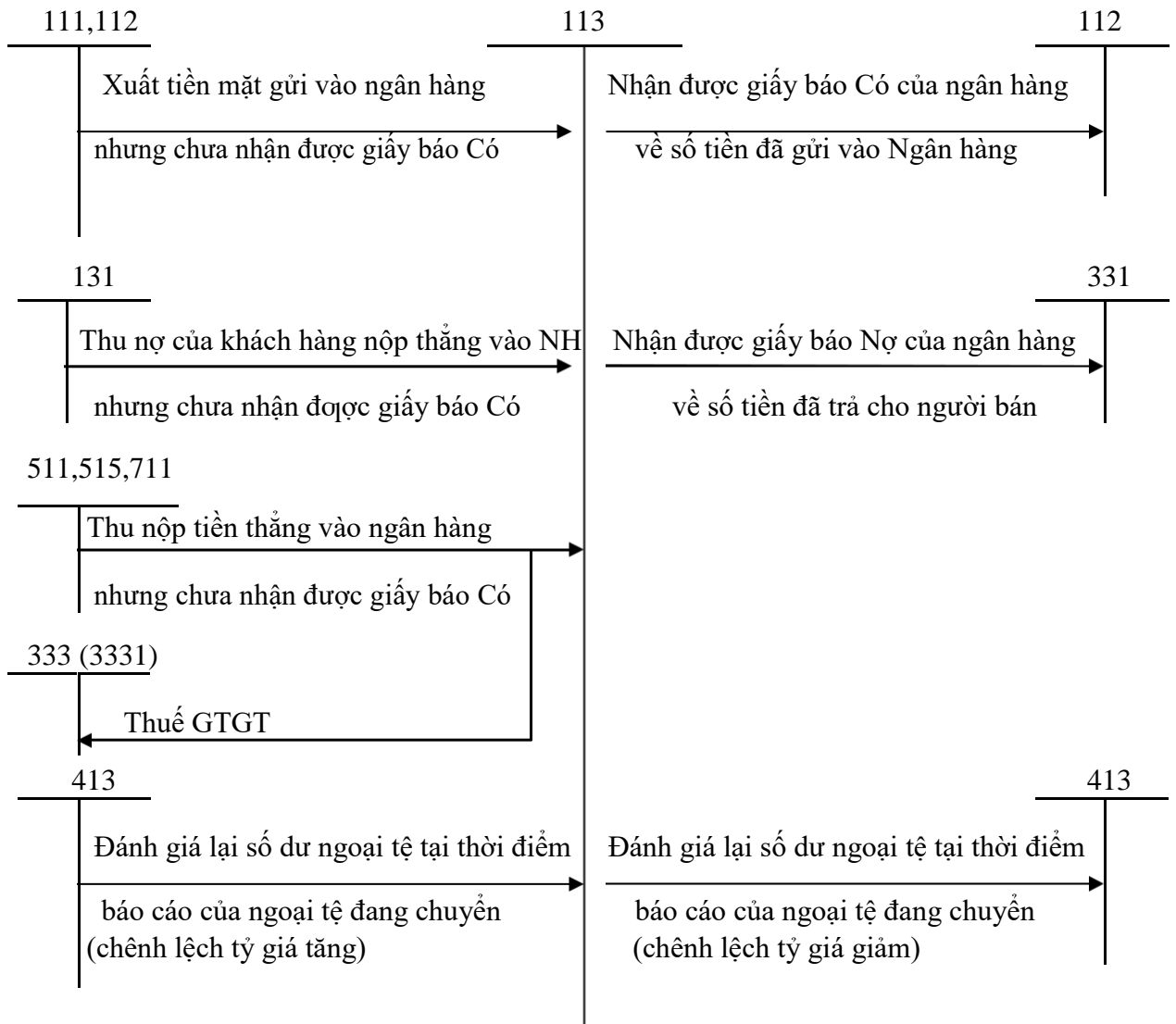
- Số tiền kết chuyển vào TK 112 - “Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

- TK 113 “ Tiền đang chuyển” bao gồm 2 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1131 - “Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - + TK 1132 - “ Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.4.4. Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển trong doanh nghiệp:

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển.

1.3. Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành của doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo TT 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Theo quy định doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

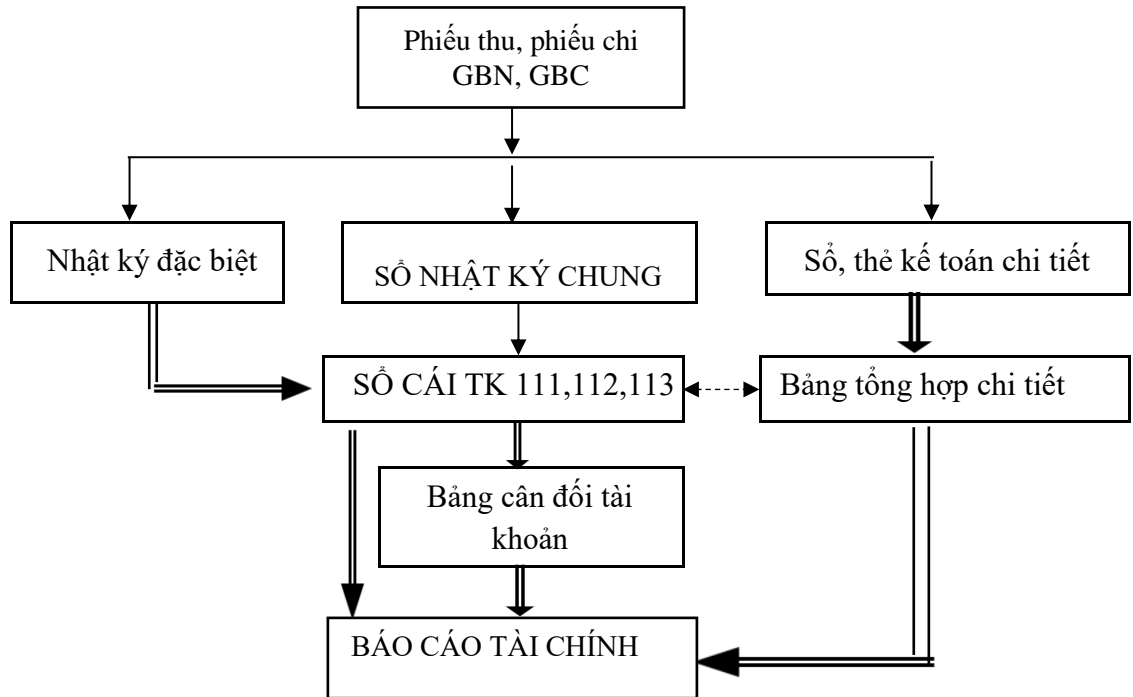
- Hình thức kế toán Nhật Ký Chung
- Hình thức kế toán ghi sổ
- Hình thức Nhật Ký - Chứng Từ
- Hình thức Nhật Ký - Sổ Cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu số, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký Chung:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật kí chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ quỹ tiền mặt và sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ quỹ tiền mặt và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

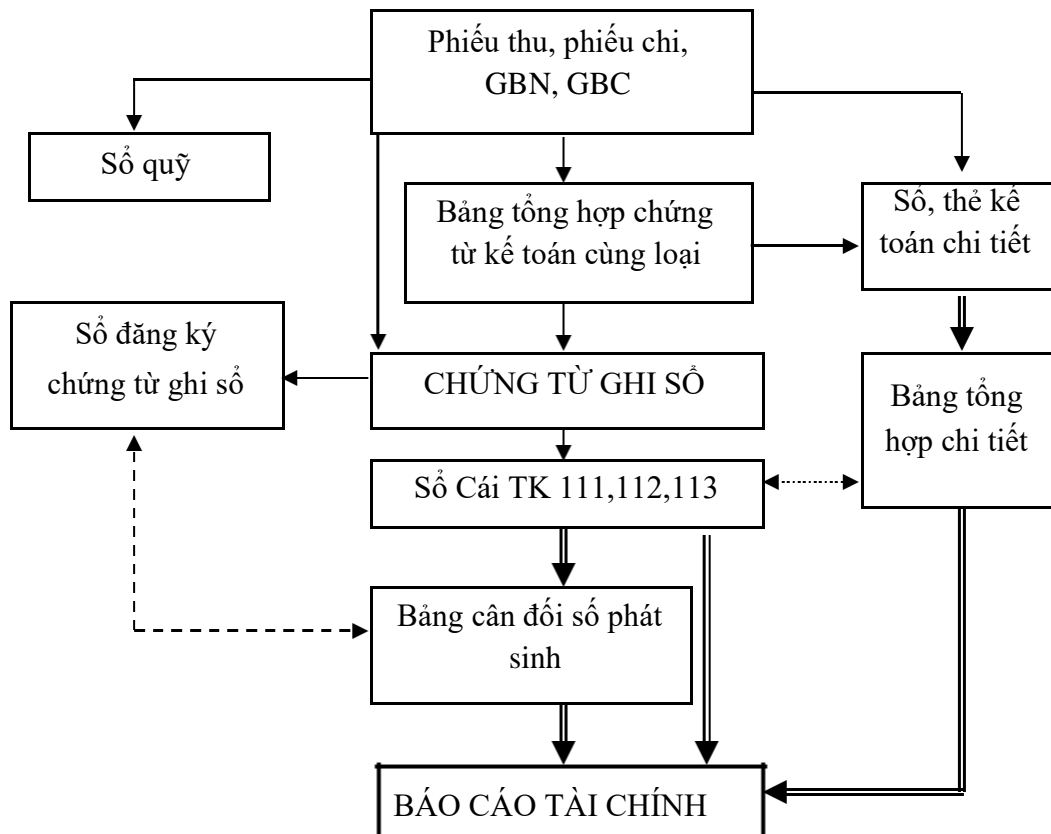
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo Cáo Tài Chính).

1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ:

Chứng từ ghi sổ được lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇌

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó

được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết được ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối sổ phát sinh.

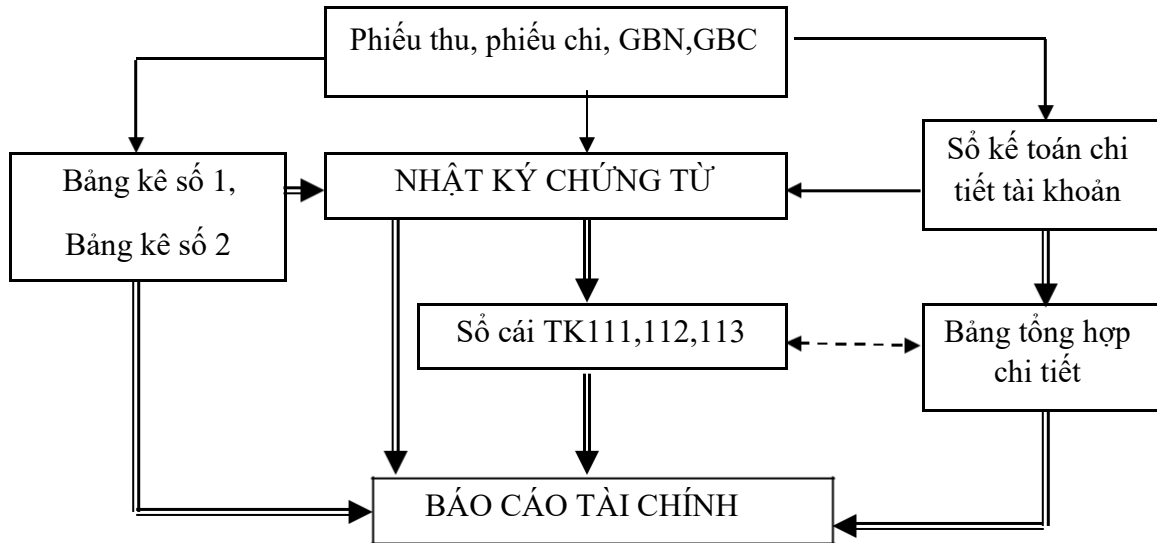
Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ:

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký - Chứng Từ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật kí - Chứng từ.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

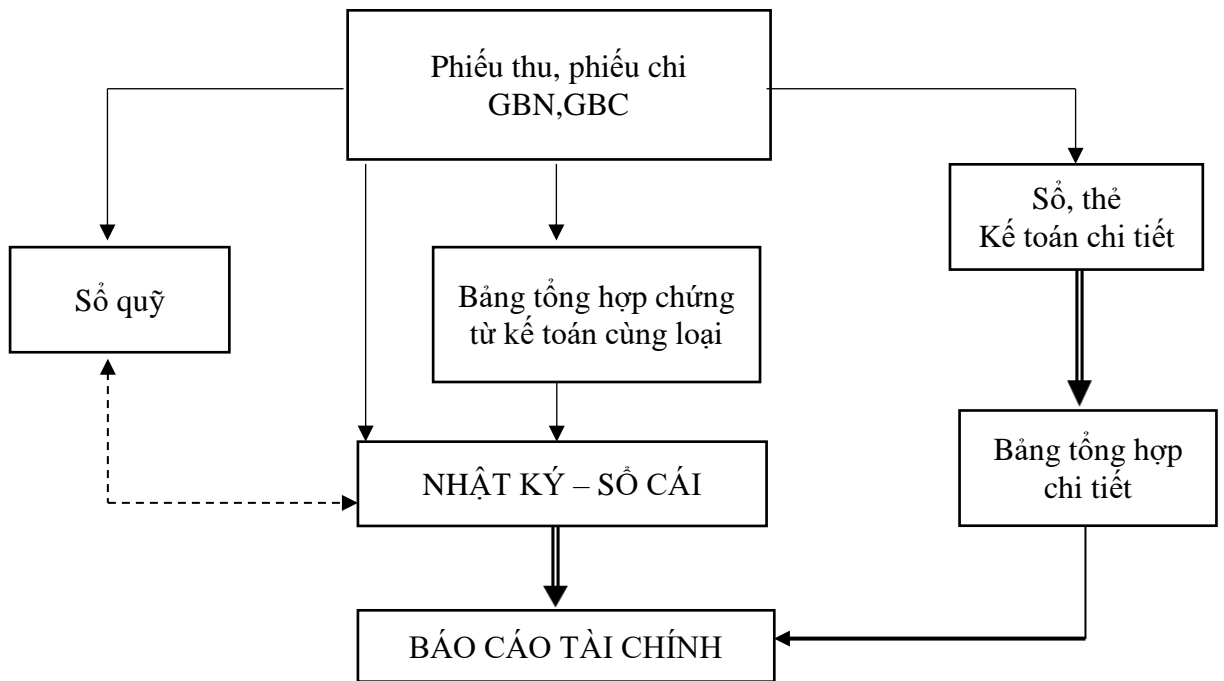
Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp suy nhất là sổ Nhật Ký - Sổ Cái. Căn cứ, căn cứ để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái là chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Dưới đây, là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.11 : Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật Ký - Sổ Cái được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

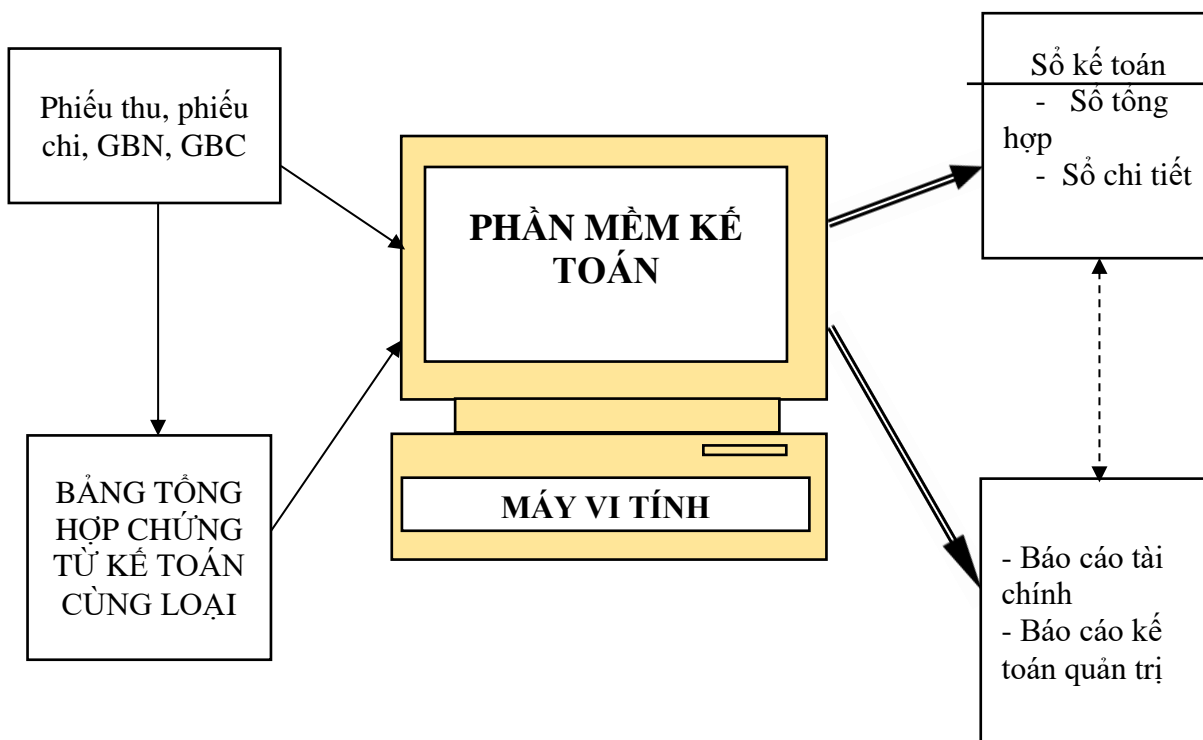
Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ những chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật Ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cột phát sinh cuối tháng.

Số liệu trên Nhật Ký - Sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy tính:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái hoặc nhật ký - sổ cái..) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán

có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG.

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

2.1.1. Lịch sử hình thành Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng là công ty có vốn đầu tư nước ngoài của Tập đoàn Messer Đức- Tập đoàn hàng đầu thế giới với hơn 100 năm kinh nghiệm chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm khí công nghiệp, có trụ sở chính tại Hải Phòng, văn phòng đại diện tại Hà Nội và nhà máy sản xuất khí công nghiệp với quy mô lớn nhất Hải Dương.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng
- Ngày hoạt động: 16/7/1997 theo giấy phép đầu tư số 01/GP-HP của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200134811
- Điện thoại: +84 225 3871551
- Ngành nghề đăng kí kinh doanh:
 - Khí công nghiệp (Khí oxy, Khí Argon, Khí NH₃,...)
 - Khí đặc biệt, Khí chuẩn (dùng trong đo lường, hiệu chuẩn, điều chế theo yêu cầu...)
- Vốn điều lệ: 417.522.588.150 VNĐ

Năm 1997 Messer đã có mặt tại Việt Nam với việc thành lập Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng (Messer Hải Phòng) tại thành phố Hải Phòng. Messer Hải Phòng sau đó đã mở Văn phòng đại diện tại Hà Nội để tiếp tục phát triển thị trường ở phía bắc.

Năm 1998, Messer thành lập Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Việt Nam (Messer Việt Nam) đặt tại Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, tỉnh Bình Dương, để phục vụ nhu cầu khí nén tại thị trường phía Nam. Nhà máy chiết nạp khí của Messer Việt Nam đã được nâng cấp lên khả năng nạp 200 bar tại Việt Nam.

Trong năm 2007, Messer Hải Phòng đã ký kết cung cấp các yêu cầu về khí công nghiệp cho dự án nhà máy tích hợp thép của Tập đoàn Hòa Phát ở tỉnh

Hải Dương phía bắc. Điều này liên quan đến đầu tư ban đầu nhà máy tách và hóa lỏng khí có vốn đầu tư hơn 13 triệu Euro với công suất 8.500 Nm³/hr.

Trong năm 2009, Messer thiết lập một nhà máy chiết nạp khí thứ hai có công suất 200 bar đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên để phục vụ nhu cầu khí công nghiệp trong thị trường đóng tàu của Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong năm 2010, Messer thành lập Đơn vị tách khí đầu tiên tại Hải Dương và đã ký hợp đồng với nhiên liệu sinh học Phương Đông để xây dựng một nhà máy thu hồi khí CO₂ ở Bình Phước.

Trong năm 2011, Messer bắt đầu với việc xây dựng nhà máy thu hồi khí CO₂ ở Bình Phước.

Trong năm 2013, nhà máy tách và hóa lỏng khí với công suất trên 8.500 Nm³/hr đã được xây dựng.

Trong năm 2014, Nhà máy tách khí thứ 3 với công suất 10.000 Nm³/hr (*Nm³/hr: thể tích đo chất lỏng và chất khí*), đã được ký kết với Hoà Phát và dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào đầu năm 2016.

Trong năm 2019, nhà máy tách khí lớn nhất Việt Nam được khởi công tại Dung Quất và khởi động nhà máy sản xuất Nitơ mới tại Hà Nam.

Trong năm 2020, xây dựng nhà máy Krypton/ Xenon tại Dung Quất (đi vào hoạt động từ tháng 3/2021) và xây dựng trung tâm nạp N₂O điện tử mới nhất tại Hải Phòng.

Trong năm 2020, xây dựng nhà máy tách khí với công suất 520tpd (*tpd: công suất toả nhiệt*) tại Yên Bình (Thái Nguyên) và xây dựng nhà máy tách khí với công suất 20.000 Nm³/h cho oxy tại Dung Quất.

Trong suốt thời kỳ kinh doanh, công ty luôn đảm bảo nhu cầu của thị trường, cập nhật thông tin mới nhất, sản xuất sản phẩm mới nhất đảm bảo mọi nhu cầu của khách hàng và đảm bảo mọi công trình đều đúng tiến độ thi công và chất lượng tốt nhất.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty:

- Sản xuất, nhập khẩu, tồn trữ và phân phối khí công nghiệp; nhập khẩu, cung cấp, lắp đặt, tư vấn kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng và bảo hành các thiết bị sử dụng khí công nghiệp có liên quan tới công nghiệp cắt hàn.

- Sản xuất các loại khí hỗn hợp, khí y tế, khí CO₂, khí nhiên liệu, khí đặc biệt, khí CO₂ thực phẩm, khí Nitrogen thực phẩm, khí oxy thực phẩm và các loại khí khác; tiếp thị phân phối và tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất.

- Gia công, lắp đặt, vận hành trạm nạp khí, hệ thống điều áp, hệ thống phân phối khí cho các loại khí do Chi nhánh sản xuất.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

* Thuận Lợi:

Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng là một công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung ứng khí công nghiệp cho thị trường.

Hiện nay, công ty đã mở rộng thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác đây là cơ sở để công ty hoàn thiện và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Có đội ngũ nhân viên thành thạo, có dày dặn kinh nghiệm trong việc sản xuất đảm bảo chất lượng.

Công ty với nguồn vốn mạnh mẽ luôn đầu tư trang thiết bị, máy móc kỹ thuật cao, đem lại hiệu quả cao trong công việc.

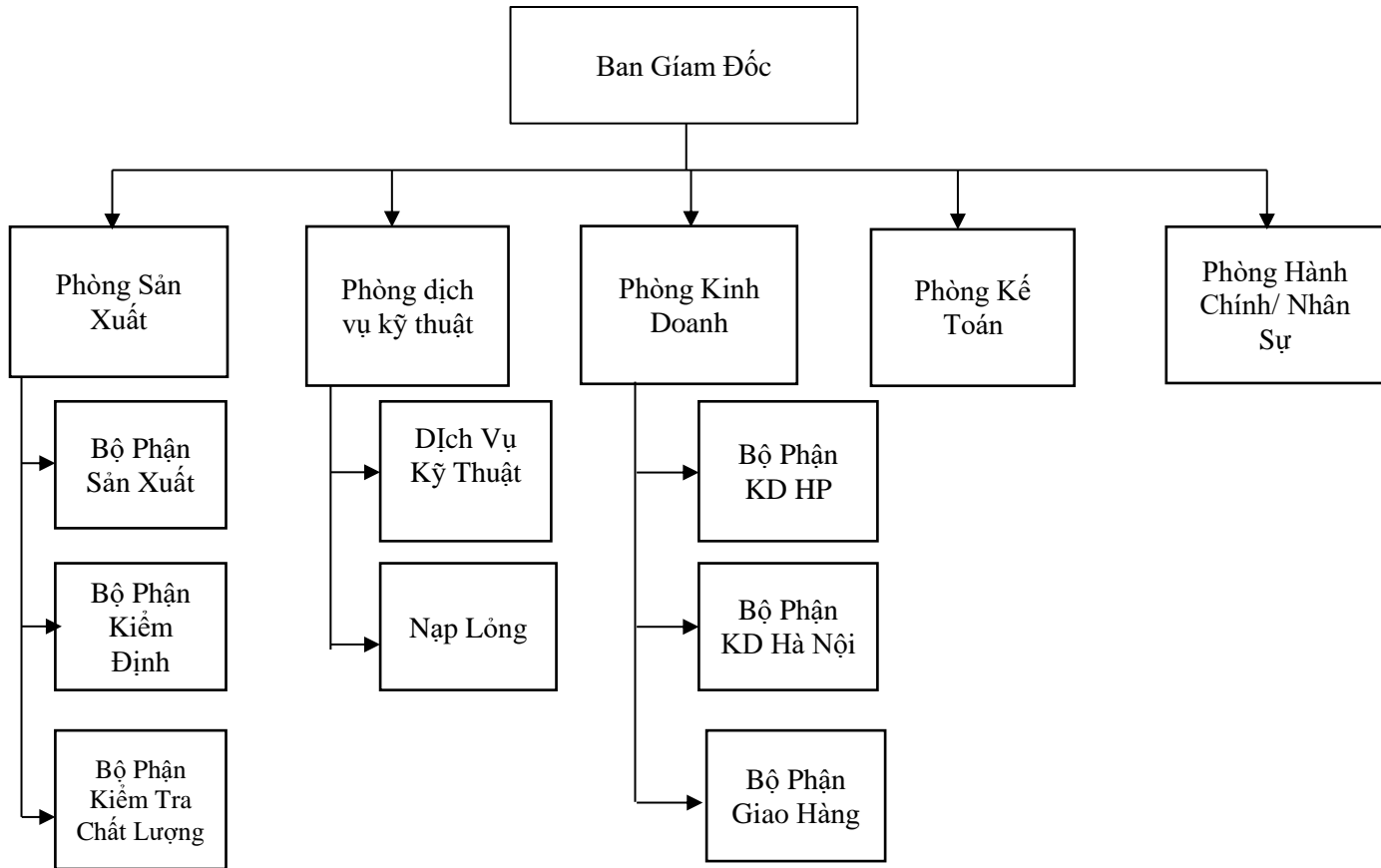
* Khó khăn:

Ngành khí công nghiệp của Việt Nam đã phải trải qua một năm với nhiều thách thức và khó khăn do dịch toàn cầu mang lại, đã ảnh hưởng tới quá trình phát triển và ảnh hưởng tới đời sống người lao động, gây áp lực về việc làm và thu nhập của người lao động.

Do vấn đề kinh tế khó khăn làm cho một số công ty đối tác với doanh nghiệp gặp vấn đề về huy động vốn khiến cho công ty phát sinh thêm nhiều khoản nợ xấu khó đòi và làm giảm lượng đối tác làm ăn của doanh nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

Là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động quản lý và điều hành Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng được tổ chức theo quy mô sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ về tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Chức năng của từng bộ phận:

- **Ban giám đốc:**

- + Giám đốc: Là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

- + Phó giám đốc: Là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

- **Phòng sản xuất:**

Theo dõi tình hình về sản xuất, kiểm định, kiểm tra chất lượng trước khi hoàn tất sản phẩm của công ty, đảm bảo các yếu tố về kỹ thuật, các hoạt động

xuất nhập khẩu, các hoạt động nghiên cứu để đổi mới sản phẩm, hoạt động đánh giá chất lượng sản phẩm, hoạt động vận chuyển sản phẩm đến với khách hàng, hoạt động quản lý sản phẩm theo đúng chất lượng...

- **Phòng dịch vụ kỹ thuật:**

Chức năng: Là bộ phận giữ vai trò xây dựng và duy trì các cấu trúc, máy móc, thiết bị, hệ thống và chương trình hoạt động của máy móc, thiết bị trong doanh nghiệp. Trực tiếp điều hành những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, máy móc của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Đồng thời, nhanh chóng sửa chữa, khắc phục lỗi, tiến hành bảo dưỡng theo quy định đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị làm việc bình thường không gây gián đoạn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn công ty

Nhiệm vụ:

+ Quản lý, điều hành và kiểm tra những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ. Chịu trách nhiệm sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc cho hoạt động kinh doanh.

+ Quản lý, giám sát kỹ thuật các dự án xây dựng mới, chịu trách nhiệm thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, đảm bảo yếu tố an toàn cùng các tính năng và công dụng của sản phẩm.

+ Bảo dưỡng, bảo trì phù hợp với từng loại máy móc, thiết bị, kịp thời sửa chữa nhằm đảm bảo tính an toàn và liên tục trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nâng cấp, đổi mới các thiết bị kỹ thuật lạc hậu bằng các thiết bị ý thuật công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Phòng kinh doanh:**

Chức năng: Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tiếp theo và lập báo cáo định kỳ. Thay mặt công ty quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo lợi nhuận cao cho công ty. Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty.

Nhiệm vụ:

+ Tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch trong năm của công ty để giao cho các bộ phận lập báo cáo định kỳ để phản ánh tình hình kết quả kinh doanh của công ty.

+ Kết hợp với phòng kế toán để công tác tiêu thụ hàng hoá không bị tắc nghẽn do thiếu hàng.

+ Phân tích các khả năng tiêu thụ vật tư, hàng hoá hiện tại, nếu mặt hàng nào tiêu thụ chậm cần phải tìm hiểu để đưa ra các phương án tiêu thụ tốt hơn, đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, tìm những khách hàng mới, thị trường mới tiềm năng, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

• **Phòng kế toán:**

Chức năng:

+ Quản lý kinh tế tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính doanh nghiệp.

+ Giúp quản lý về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Tham mưu cho giám đốc công ty để xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn, và các đề án sản xuất kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kinh tế trong công ty.

Nhiệm vụ:

+ Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

+ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, đồng thời có nghĩa vụ thu nộp, thanh toán các khoản nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Thực hiện công tác quản lý tài chính của công ty, tổ chức mô hình hạch toán và thực hiện toàn bộ công tác thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán của doanh nghiệp. Tham mưu và tham gia điều hành hoạt động sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh theo phương án nhằm bảo tồn và phát triển vốn. Tổ chức

thực hiện công tác kế toán của doanh nghiệp theo lệnh kế toán thống kê của Nhà nước.

+ Thực hiện nhiệm vụ và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước, cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp nhằm thúc đẩy và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng quy trình và kiểm tra thực hiện việc luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp.

+ Tổ chức việc lưu trữ chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Thu thập và xử lý thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp. Kiểm tra giám sát chặt chẽ thực hiện hợp đồng kinh tế, nghiên cứu đề xuất với giám đốc công ty về tổ chức thực hiện các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức khác.

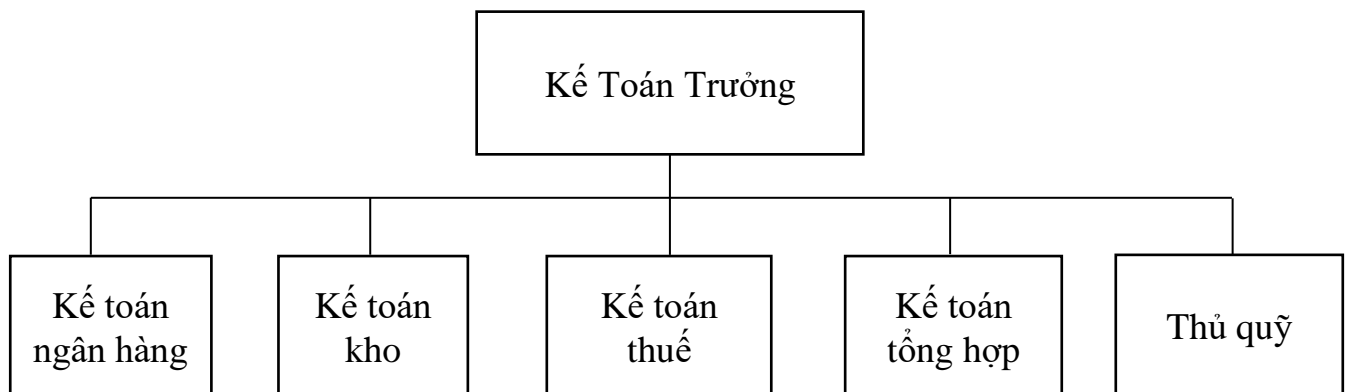
- **Phòng hành chính nhân sự:**

Là bộ phận chịu trách nhiệm về tình hình nhân sự của công ty, quản lý chung bảng lương cho các cấp quản trị và nhân viên, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự... Có trách nhiệm quản lý lao động, tổ chức đời sống cho cán bộ công nhân viên, tổ chức các hoạt động y tế, thực hiện các hoạt động về quản lý hành chính cho doanh nghiệp.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán trong công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ. 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Chức năng nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng:**

Là người lãnh đạo của phòng, chịu trách nhiệm trước công ty về tất cả các hoạt động của phòng do mình phụ trách. Có trách nhiệm quản lý chung, trông coi mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Kế toán trưởng phải nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty để tham mưu cho giám đốc ra quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty. Tổ chức công tác quản lý và điều hành, thực hiện các công việc có liên quan đến lĩnh vực nghiệp vụ, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm. Tổ chức công tác tài chính kế toán và bộ máy nhân sự theo yêu cầu đổi mới phù hợp chủ trương, chiến lược phát triển của công ty trong từng giai đoạn.

- **Kế toán tổng hợp:**

Là bộ phận thu thập, tổng hợp, xử lý, kiểm tra, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp. chịu trách nhiệm về số liệu chi tiết đến tổng hợp trên sổ kế toán. Theo dõi tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí và lập báo cáo quyết toán kinh phí của đơn vị cho cấp trên theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách. Thực hiện đầy đủ các sổ sách kế toán liên quan theo đúng quy định hiện hành. Thường xuyên đôn đốc, đối chiếu sổ sách kế toán với các kế toán viên khác theo từng kỳ kế toán đã quy định. Kiểm tra và lưu trữ toán bộ chứng từ, hồ sơ thanh toán, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán tài chính của đơn vị theo quy định hiện hành.

- **Kế toán ngân hàng:**

Là việc thu nhập, ghi chép, xử lý, phân tích các nghiệp vụ kinh tế, tài chính về hoạt động tiền tệ, tính dụng và dịch vụ ngân hàng dưới hình thức chủ yếu là giá trị để phản ánh, kiểm tra toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị ngân hàng, đồng thời cung cấp thông tin cần thiết phục vụ công tác quản lý hoạt động tiền tệ ngân hàng ở tầm vĩ mô và vi mô, cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân theo các quy định của pháp luật. Tổng hợp, bao quát tất cả các phần hành liên quan đến giao dịch thuộc ngân hàng của công ty. Bảo quản, lưu trữ và đảm bảo cho các chứng từ, sổ sách thuộc ngân hàng được chính xác, đúng yêu cầu và luật định.

- **Kế toán kho:**

Theo dõi hàng hoá trong kho, lập hoá đơn chứng từ và đối chiếu các hoá đơn, chứng từ với số liệu thực tế nhằm tránh thất thoát cho doanh nghiệp. Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu

từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập xuất tồn.

- **Kế toán thuế:**

Chịu trách nhiệm về các vấn đề về khai báo thuế trong doanh nghiệp, là nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Hạch toán các nghiệp vụ chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của công ty.

- **Thủ quỹ:**

Hàng tháng vào sổ quỹ, lên báo cáo quỹ, bảo quản tiền và thực hiện các nhiệm vụ thu chi, kiểm kê định kỳ. Chịu trách nhiệm và bồi thường khi để xảy ra thất thoát do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền. Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:

- **Chế độ kế toán đang áp dụng:** ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”).

- **Niên độ kế toán:** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng:** đơn vị tiền tệ kế toán của công ty là Đồng Việt Nam (VNĐ). Đơn vị tính: Đồng.

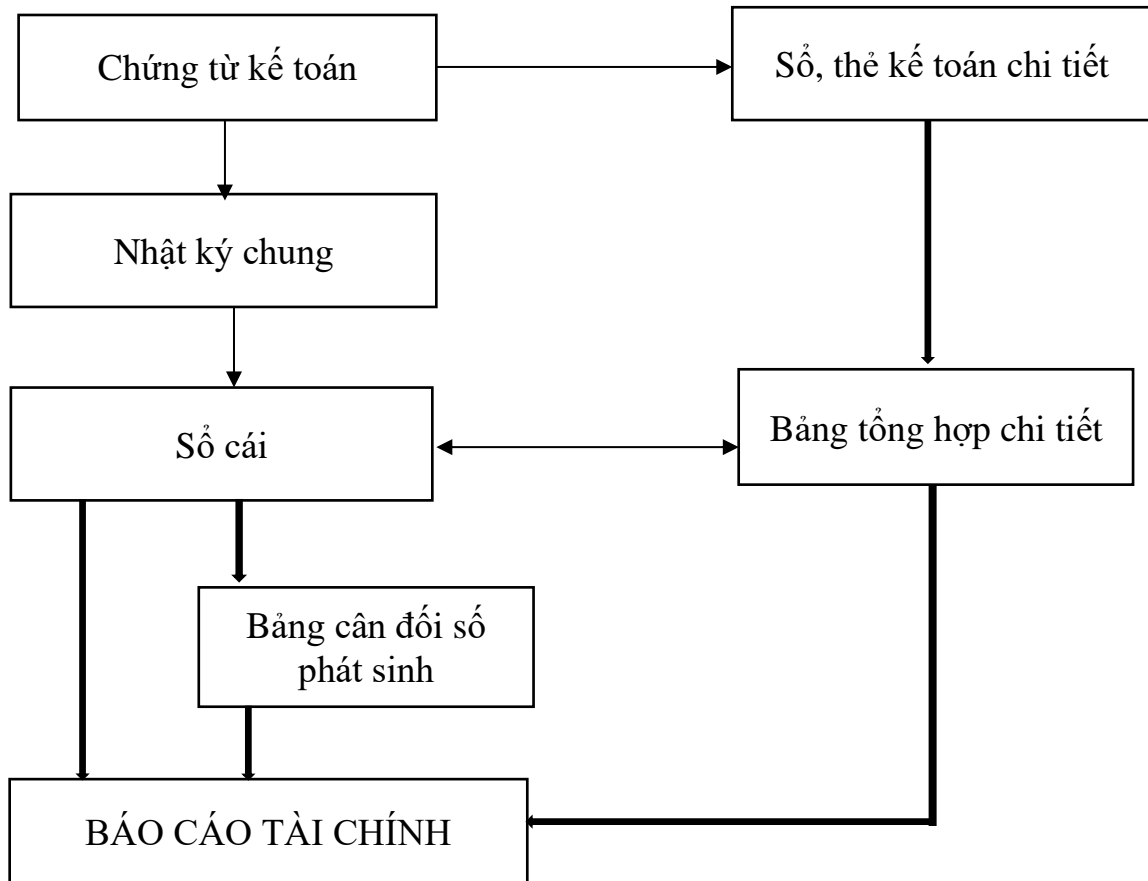
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** được tính theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- **Phương pháp tính giá xuất kho:** phương pháp nhập trước, xuất trước.

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định:** phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

- **Hình thức kế toán:** công ty đang áp dụng hình thức sổ **Nhật ký chung** (sơ đồ 2.3)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

- Hàng ngày, căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung và thẻ kế toán chi tiết theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế

phát sinh, từ đó lập các sổ có liên quan. Từ sổ nhật kí chung hàng ngày các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ cái từng tài khoản.

- Cuối tháng hoặc định kỳ từ sổ kế toán chi tiết lập nên bảng tổng hợp chi tiết tài khoản. Căn cứ vào sổ cái, sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính vào cuối năm.

2.2. Thực trạng công tác vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi Ngân Hàng.

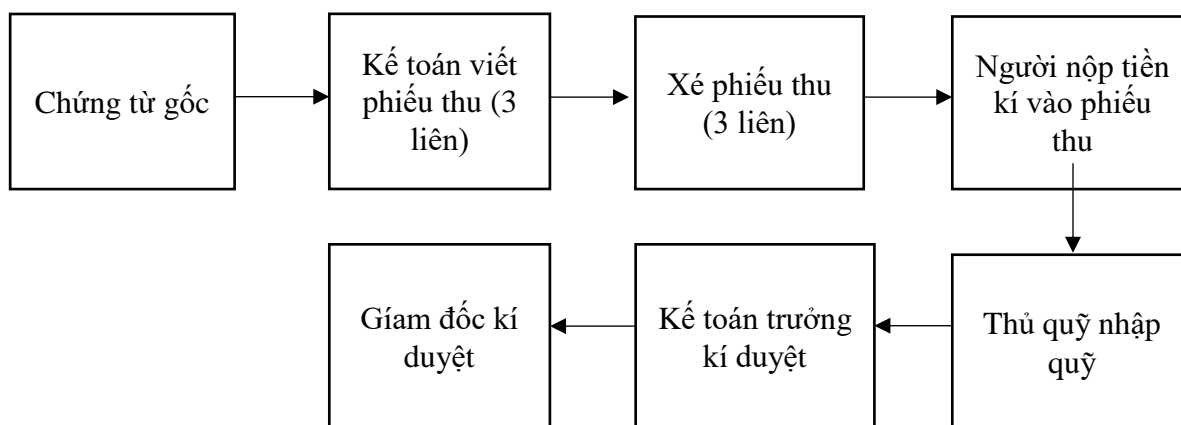
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng là các tiền Việt Nam đồng, không có tiền mặt là ngoại tệ, vàng bạc, kim loại, đá quý.

➤ *Chứng từ sử dụng tại công ty:*

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán
- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu 08b-TT)

✓ *Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu thu:*

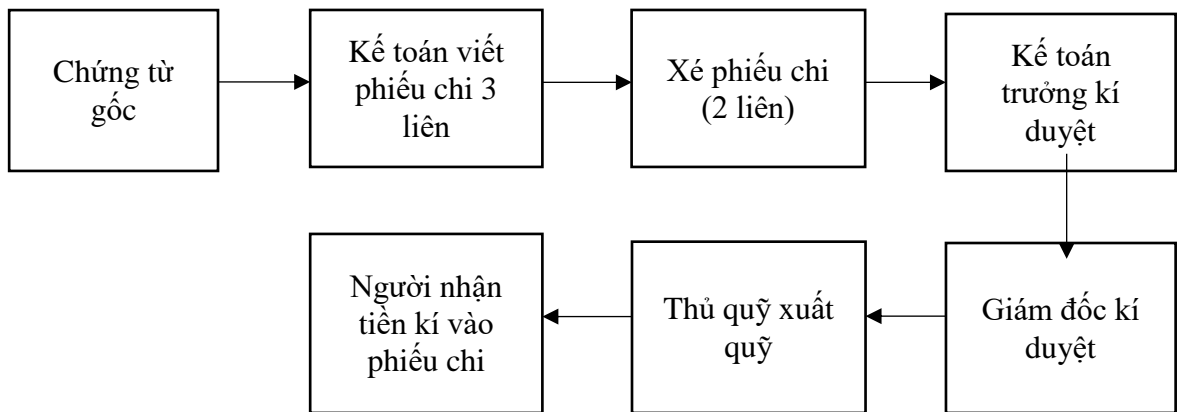


Sơ đồ 2.4 : Quy trình luân chuyển phiếu thu

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu rồi ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Cuối cùng, chuyển cho kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt và đóng dấu.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ.

✓ Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu chi:



Sơ đồ 2.5 : Quy trình luân chuyển phiếu chi

Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi. Chỉ sau khi đã có chữ ký theo từng liên của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

➤ *Tài khoản sử dụng tại công ty:*

TK 111: Tiền mặt – Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt.

➤ *Sổ sách sử dụng tại công ty:*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ cái TK111

➤ *Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty:*

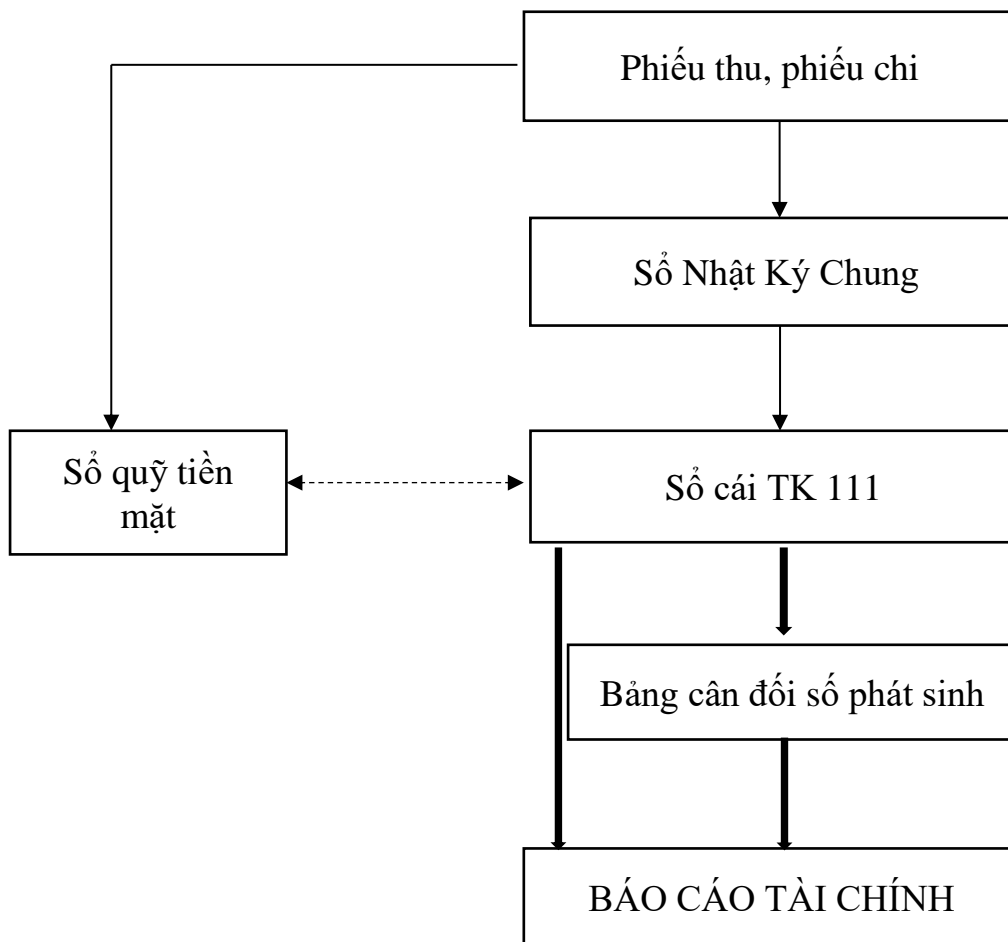
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ để làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung và Sổ quỹ tiền mặt, tiếp theo căn cứ và số liệu ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi chép vào sổ cái TK 111.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Sổ quỹ tiền mặt, kế toán sẽ tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm.

Căn cứ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hoạch toán tiền mặt tại công ty theo sơ đồ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ quỹ tiền mặt. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 111 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và sổ quỹ tiền mặt sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh cuối năm lập nên Báo cáo tài chính.

➤ *Ví dụ về kế toán tiền mặt tại quỹ Công Ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:*

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2020, anh Phạm Trung Hùng nộp tiền thu của khách hàng số tiền 3.564.000 đồng bằng tiền mặt.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111: 3.564.000

Có TK 131: 3.564.000

Căn cứ vào Phiếu thu số 1095 (**biểu số 2.1**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 131. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt (**biểu số 2.11**). .

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Phiếu thu số 1095

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
200/2014/TT/BTC

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo TT

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU TIỀN MẶT

Ngày: 02/12/2020

Số phiếu: 1095

| | |
|---------|-----------|
| Nợ 1111 | 3.564.000 |
| Nợ 131 | 3.564.000 |

Đơn vị: 108018- Phạm Trung Hùng
Địa chỉ: Số 19 Phố Thống Nhất, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương
Lý do nộp: Nộp tiền thu của khách hàng
Số tiền: 3.564.000 đồng (Viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

| | | | | |
|---------------|----------------|--------------|---------------------------|--------------|
| | | | Ngày 02 tháng 12 năm 2020 | |
| Thủ trưởng đv | Kế toán trưởng | Người lập | Người nộp tiền | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn.
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc. đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2020, công ty xuất bán 50 oxy cho Công ty CP TM dịch vụ Công nghiệp Đình Vũ số tiền 1.960.000 (chưa gồm VAT 10%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111: 2.156.000

Có TK 511: 1.960.000

Có TK 333: 196.000

Căn cứ vào Phiếu thu số 1121 (**biểu số 2.3**), hoá đơn GTGT số 0000888 (**biểu số 2.2**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 511, TK 333. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000888

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|---|----------------------|--|-----------------------------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/19P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000888 | | | |
| Ngày 10 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG | | | | | |
| MST: 0200134811 | | | | | |
| Địa chỉ: Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.871.551 | | | Fax: | | |
| Tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: ĐOÀN THANH HẢI | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty CP TM DV Công nghiệp Đình Vũ | | | | | |
| Địa chỉ: Số 76 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng | | | | | |
| MST: 0201301656 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | Số tài khoản: | | |
| STT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6= 4 x5 |
| 01 | 50 oxy | bình | 50 | 39.200 | 1.960.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.960.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế giá trị gia tăng: | | 196.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 2.156.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 1121

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
200/2014/TT/BTC

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo TT

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU TIỀN MẶT

Ngày: 10/12/2020

Số phiếu: 1121

| | |
|---------|-----------|
| Nợ 1111 | 2.156.000 |
| Có 511 | 1.960.000 |
| Có 333 | 196.000 |

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Công nghiệp Đình Vũ

Địa chỉ: Số 76 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền: 2.156.000 đồng (Viết bằng chữ): Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2020

| | | | | |
|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|
| Thủ trưởng đv <i>(Ký, họ tên)</i> | Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i> | Người lập <i>(Ký, họ tên)</i> | Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i> | Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i> |
|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Ví dụ 3: Ngày 17/12/2020, Bà Trần Thị Hoa – Phòng tổ chức hành chính thanh toán chi phí tiếp khách, số tiền bao gồm cả 10% thuế VAT là 6.380.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 5.800.000

Nợ TK 133: 580.000

Có TK 111: 6.380.000

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000923 (**biểu số 2.4**) anh Đoàn Thanh Hải – nhân viên Phòng tổ chức hành chính gửi đề nghị thanh toán đã được giám đốc phê duyệt lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết phiếu chi 412 (**biểu số 2.6**). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 111, TK 642. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng 0000923

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|---|----------------------|-----------------------------|----------|---------|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/19P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000923 | | | |
| Ngày 17 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG | | | | | |
| MST: 0201654002 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 18, Hồ Sen, Lê Chân, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0225 3872 441 | | | Fax: | | |
| Tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: TRẦN THỊ HOA | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng | | | | | |
| Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | | | | | |
| MST: 0200134811 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6= 4 x5 |
| 01 | Tiếp khách ăn uống | | | | 5.800.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 5.800.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế giá trị gia tăng: | | | 580.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 6.380.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |
|---|--|---|
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.5: Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu số: 05 - TT

(Ban hành theo

Ngày 19 tháng 4 năm 2006 của bộ trưởng

BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Hải phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG

Tôi tên là: Trần Thị Hoa

Bộ phận: Phòng tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi tiếp khách

Số tiền: 6.380.000đ. (Viết bằng chữ): Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐ 0000923

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.6: Phiếu chi số 1141

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu 02 - TT

(Ban hành theo

Ngày 19 tháng 4 năm 2006 của bộ trưởng

BTC)

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Ngày: 17/12/2020

Số phiếu: 1141

| | |
|---------|-----------|
| Nợ 642 | 5.800.000 |
| Nợ 133 | 580.000 |
| Có 1111 | 6.380.000 |

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Hoa

Đơn vị: Bộ phận hành chính – kế toán

Lý do chi: Thanh toán chi tiền tiếp khách

Số tiền: 6.380.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng

Kèm theo: 02 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán, HĐ số: 0000923

Thủ trưởng đv
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc. đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Ví dụ 4: Ngày 25/12/2020, công ty thanh toán phí thuê xe tháng 12 số tiền là 9.555.000 đồng theo hóa đơn số 0000365 đã chi bằng tiền mặt.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 641: 7.500.000

Nợ TK 133: 750.000

Có TK 111: 8.250.000

Căn cứ vào Phiếu chi số 1162 (**biểu số 2.8**), hoá đơn GTGT số 0000987 (**biểu số 2.7**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu số 2.9**). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 và Sổ cái TK 641, TK 133. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt (**biểu số 2.11**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7: Hóa đơn giá trị gia tăng 0000987

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|--|----------------------|----------------------------|---------------|---------|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/19P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000987 | | | |
| Ngày 25 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI DƯƠNG | | | | | |
| MST: 0200668362 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 5/87 đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.765.206 | | | Fax: | | |
| Tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: NGUYỄN ANH ĐÀO | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng | | | | | |
| Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | | | | | |
| MST: 0200134811 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | Số tài khoản: | | |
| STT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6= 4 x5 |
|--|---|--|---|---|-----------|
| 01 | Thuê xe vận tải từ 26/11 đến 10/12/2020 | | | | 7.500.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 7.500.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế giá trị gia tăng: | | | 750.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 8.250.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.8: Phiếu chi số 1162

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu 02-TT
(Ban hành theo

Ngày 19 tháng 4 năm 2006 của bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Ngày: 25/12/2020

Số phiếu: 1162

| | |
|---------|-----------|
| Có 641 | 7.500.000 |
| Có 133 | 750.000 |
| Nợ 1111 | 8.250.000 |

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Anh Đào

Đơn vị: Bộ phận hành chính – kế toán

Lý do chi: Thanh toán phí thuê xe tháng 12/2020

Số tiền: 8.250.000 đ. (Viết bằng chữ): Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc. HĐ số: 0000987

| | | | | |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| Thủ trưởng đv (Ký, họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | Người lập (Ký, họ tên) | Người nộp tiền (Ký, họ tên) | Thủ quỹ (Ký, họ tên) |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------|

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.9: Trích trang sổ nhật ký chung.

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng

BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng, ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK | Số phát sinh | |
|---------------------|-------------------|-------------|--|-------------------|--------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| 02/12 | PT 55 HD 1095 | 02/12 | Khách hàng thanh toán tiền | 111 131 | 3.564.000 | 3.564.000 |
| | | | | | | |
| 05/12 | HD 892 BC 1032 | 05/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Alutec Vina | 112 511 333 | 28.274.400 | 25.704.000 2.570.400 |
| | | | | | | |
| 08/12 | BC 1041 | 08/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty CN XD Đại Phong | 112 131 | 29.702.000 | 29.702.000 |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | |
|--------------------------|---------|-------|--|-------|-----------------------|-----------------------|
| 10/12 | HĐ 888 | 10/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ | 111 | 2.156.000 | |
| | PT 1121 | | | 511 | | 1.960.000 |
| | | | | 333 | | 196.000 |
| | | | | | | |
| 17/12 | HĐ 923 | 15/12 | Chi phí tiếp khách | 642 | 5.800.000 | |
| | PC 1141 | | | 133 | 580.000 | |
| | | | | 111 | | 6.380.000 |
| | | | | | | |
| 20/12 | BN 1255 | 20/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ | 111 | 100.000.000 | |
| | PT 1146 | | | 112 | | 100.000.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | HĐ 987 | 25/12 | Thanh toán phí thuê xe tháng 12 | 641 | 7.500.000 | |
| | PC 1162 | | | 133 | 750.000 | |
| | | | | 1111 | | 8.250.000 |
| | | | | | | |
| 28/12 | HĐ 952 | 28/12 | Thanh toán cước CPN | 641 | 5.811.759 | |
| | BN 1328 | | | 133 | 581.176 | |
| | | | | 112 | | 6.392.935 |
| | | | | | | |
| Cộng số phát sinh | | | | | 31.552.214.599 | 31.552.214.599 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng

dấu) (Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 111

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu số: S03b – DN
Ban hành theo

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt – Tiền Việt Nam

Tài khoản: 111

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng, ghi sổ | Chứng Từ | | Diễn Giải | Số hiệu TKĐÚ | Số tiền | |
|---------------------|----------|-------------|----------------------------|--------------|---------------------------|-------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu kỳ | | <u>708.818.751</u> | |
| | | | | | | |
| 02/12 | PT 1095 | 02/12 | Khách hàng thanh toán tiền | 131 | 3.564.000 | |
| | | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | |
|-------|---------|-------|--|-------|---------------------------|--------------------|
| 06/12 | PC 1103 | 06/12 | Chi tiền tạm ứng đi công tác | 141 | | 10.000.000 |
| | | | | | | |
| 10/12 | HD 888 | 10/12 | Thu tiền hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ | 511 | 1.960.000 | |
| | PC 1121 | | | 333 | 196.000 | |
| | | | | | | |
| 17/12 | HD 923 | 17/12 | Chi tiền tiếp khách | 642 | | 5.800.000 |
| | PC 1141 | | | 133 | | 580.000 |
| | | | | | | |
| 19/12 | PC 1148 | 19/12 | Chi tiền mua văn phòng phẩm | 642 | | 1.250.000 |
| | | | | 133 | | 125.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | PC 1162 | 25/12 | Thanh toán phí thuê xe tháng 12 | 641 | | 7.500.000 |
| | | | | 133 | | 750.000 |
| | | | | | | |
| 28/12 | PT 1241 | 28/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ | 112 | 100.000.000 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh tháng | | 893.069.543 | 902.068.900 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | <u>699.819.394</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt.

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG

Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng

200/214/TT/BTC

Mẫu số: S05a – DN

(Ban hành theo TT

BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 1111

Tháng 12 năm 2020

| NT | NT | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Số tiền | | |
|-------|-------|------------------|-------|----------------------------|-----------|-------|---------------------------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn |
| GS | CT | | | | | | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | | | Số tồn đầu kỳ | | | <u>708.818.751</u> |
| | ... | | | | | | |
| 02/12 | 02/12 | PT 55 | | Khách hàng thanh toán tiền | 3.564.000 | | 732.124.621 |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | | |
|-------|-------|---------------------|--------|--|--------------------|--------------------|---------------------------|
| | | | | | | | |
| 06/12 | 06/12 | | PC 789 | Chi tiền tạm ứng đi công tác | | 10.000.000 | 723.015.424 |
| | | | | | | | |
| 10/12 | 10/12 | HĐ 888 PT 300 | | Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ | 2.156.000 | | 745.689.654 |
| | | | | | | | |
| 17/12 | 17/12 | | PC 412 | Chi tiền tiếp khách | | 6.380.000 | 713.810.250 |
| | | | | | | | |
| 19/12 | 19/12 | | PC 921 | Chi tiền mua văn phòng phẩm | | 1.375.000 | 710.212.539 |
| | | | | | | | |
| 25/12 | 25/12 | | PC 515 | Thanh toán phí thuê xe tháng 12 | | 8.250.000 | 705.021.565 |
| | | | | | | | |
| 28/12 | 28/12 | GBN 1352 PT 1221 | | Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ | 100.000.000 | | 701.134.225 |
| | | | | | | | |
| | | | | Cộng số phát sinh kỳ | 893.069.543 | 902.068.900 | |
| | | | | Số dư cuối kỳ | | | <u>696.056.805</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng mở 3 tài khoản của công ty tại: Ngân hàng INDOVINA BANK thành phố Hải Phòng, Ngân hàng Maritime Bank, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietin Bank).

➤ *Chứng từ sử dụng tại công ty:*

- ✓ Giấy báo có
- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Ủy nhiệm thu
- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Lệnh chi

+ Đối với giấy báo có: khi khách hàng thanh toán tiền hàng cho công ty qua tài khoản ngân hàng hoặc do công ty nộp tiền vào tài khoản...thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty nhận được tại tài khoản ngân hàng và ghi tăng số tiền trong tài khoản công ty.

+ Đối với giấy báo nợ: khi công ty thanh toán tiền hàng cho đơn vị khác qua tài khoản ngân hàng hoặc do công ty rút tiền vào tài khoản...thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty bị trừ đi tại tài khoản ngân hàng và ghi giảm số tiền trong tài khoản công ty.

+ Đối với UNC: căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa các công ty và các bên có liên quan, kế toán trưởng lập UNC trả tiền cho nhà cung cấp. UNC được thành lập 3 thành 3 liên. 1 liên lưu lại quyền của công ty, 1 liên được gửi đến ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, liên còn lại luân chuyển trong công ty làm cơ sở ghi sổ.

+ Cuối kỳ, ngân hàng gửi sổ phụ đến công ty để thông báo về số dư TK. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

+ Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của công ty với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì công ty phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

➤ *Tài khoản sử dụng tại công ty:*

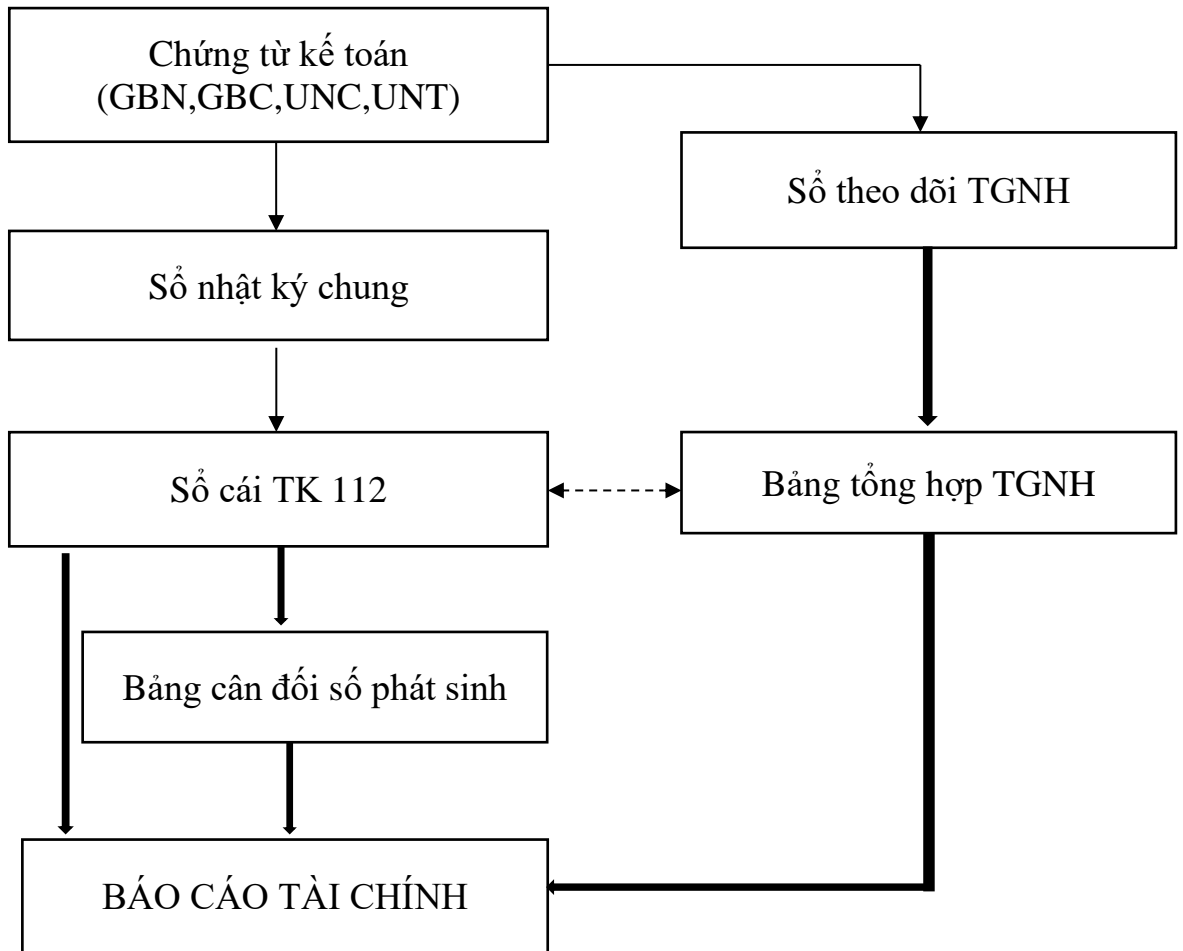
Để phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tại công ty giao dịch chủ yếu bằng tiền Việt Nam và tiền nước ngoài

➤ *Sổ sách sử dụng tại công ty:*

- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ cái TK112
- Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng
- Bảng tổng hợp theo dõi tiền gửi ngân hàng

➤ *Quy trình hạch toán tại công ty:*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên. Sổ Nhật Ký Chung để ghi vào Sổ cái TK 112 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

- *Ví dụ về kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:*

Ví dụ 1: Ngày 5/12/2020, công ty xuất bán 156 Ar lỏng cho Công ty TNHH Alutec Vina số tiền gồm cả 10% VAT là 28.274.400 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

| | |
|------------|------------|
| Nợ TK 112: | 28.274.400 |
| Có TK 511: | 25.704.000 |
| Có TK 333: | 2.570.400 |

Căn cứ vào giấy báo có (**Biểu số 2.13**), hóa đơn GTGT số 0000842 (**Biểu số 2.12**) và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung (**Biểu số 2.22**). Từ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112, TK 511 và TK 333. Đồng thời kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào Giấy báo có tiền hành vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng (**biểu số 2.24**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.


KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000842

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|--|----------------------|--|-----------------------------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/19P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000842 | | | |
| Ngày 05 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng | | | | | |
| MST: 020013481 | | | | | |
| Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0919472663 | | | Fax: | | |
| Số Tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: NGUYỄN THANH BÌNH | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Alutec Vina | | | | | |
| Địa chỉ: Lô CN 6. Khu công nghiệp Đầm Thụy, Xã Đầm Thụy, Huyện Phú Bình, Thái Nguyên | | | | | |
| Mã số thuế: 4601242360 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6= 4 x5 |
| 01 | 156 Ar | Lông | 156 | 164.769 | 25.704.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 25.704.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế giá trị gia tăng: | | 2.570.400 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 28.274.400 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.13 : Giấy báo có số 1032

| | | |
|---|---|--|
|  | <p>GIẤY BÁO CÓ ADVICE OF CREDIT</p> | <p>Liên 2: Giao khách hàng For Customer Số/Seq No: CD 1032 Ngày/Date: 05/12/2020</p> |
| <p>Đơn vị/Branch: CN An Dương MST/ Tax Code: 0200124891-020</p> | <p>SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 000063 4 KÝ HIỆU CHỨNG TỪ TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG</p> | |
| <p>Kính gửi/To: CTY TNHH KHI CN MESSER HẢI PHÒNG Mã số thuế/Tax Code: 020013481 Người chuyển tiền/Sender: Công ty TNHH Alutec Vina</p> | <p>Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được GHI CÓ như sau: <i>Please note that we have today CREDIT your account with the following entries:</i></p> | |
| DIỄN GIẢI / PARTICULAR | SỐ TIỀN/ AMOUNT T (VND) | SỐ TIỀN QUY ĐỔI/ EQUIVALENT |
| Diễn giải: Công ty TNHH Alutec Vina thanh toán tiền hàng | | |
| Số tiền GHI CÓ/ Credit Amount: | 28.274.400 | 28.274.400 |
| Phí dịch vụ/ Service Charge: | 0 | 0 |
| Thuế GTGT/ VAT: | 0 | 0 |
| Tổng số tiền GHI CÓ/ Total Credit Amount: | 28.274.400 | 28.274.400 |
| <p>NV thực hiện giao dịch/ Teller</p> <p>_____</p> | <p>CB kiểm soát giao dịch/ Supervisor</p> <p>_____</p> | |
| Người lập/ Prepare by | Kiểm soát/ Verified by | Giám đốc/ Approved by |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Ví dụ 2: Ngày 08/12/2020, Công ty TNHH Công Nghệ Xây Dựng Đại Phong thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp số tiền 29.702.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 29.702.000


Có TK 131: 29.702.000

Căn cứ vào giấy báo có (**Biểu số 2.14**) và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.22**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái TK 112, TK 131. Đồng thời kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào Giấy báo có tiền hành vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng (**biểu số 2.24**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, sổ theo dõi tiền gửi (**Biểu số 2.24**), kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14 : Giấy báo có 1041

| | | |
|---|--|---|
|  | <p>GIẤY BÁO CÓ</p> <p>ADVICE OF CREDIT</p> | <p>Liên 2: Giao khách hàng For Customer</p> <p>Số/Seq No: CD 1041</p> <p>Ngày/Date: 08/12/2020</p> |
| <p>Đơn vị/Branch: CN An Dương</p> <p>MST/ Tax Code: 0200124891-020</p> | | |
| <p>SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 000063 4</p> <p>TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG</p> | | <p>KÝ HIỆU CHỨNG TỪ</p> |
| <p>Kính gửi/To: CTY TNHH KHI CN MESSER HẢI PHÒNG</p> <p>Mã số thuế/Tax Code: 020013481</p> <p>Người chuyển tiền/Sender: Công ty TNHH CN XD Đại Phong</p> | | <p>Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được GHI CÓ như sau:</p> <p><i>Please note that we have today CREDIT your account with the following entries:</i></p> |
| <p>DIỄN GIẢI / PARTICULAR</p> | <p>SỐ TIỀN/ AMOUNT T (VND)</p> | <p>SỐ TIỀN QUY ĐỔI/ EQUIVALENT</p> |
| Diễn giải: Công ty TNHH CN XD Đại Phong trả nợ | | |
| Số tiền GHI CÓ/ Credit Amount: | 29.702.000 | 29.702.000 |
| Phí dịch vụ/ Service Charge: | 0 | 0 |
| Thuế GTGT/ VAT: | 0 | 0 |
| Tổng số tiền GHI CÓ/ Total Credit Amount: | 29.702.000 | 29.702.000 |
| <p>NV thực hiện giao dịch/ Teller</p> | | <p>CB kiểm soát giao dịch/ Supervisor</p> |
| <p>_____</p> <p>Người lập/ Prepare by</p> | <p>_____</p> <p>Kiểm soát/ Verified by</p> | <p>_____</p> <p>Giám đốc/ Approved by</p> |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 3: Ngày 20/12/2020, Chị Phùng Thị Thanh Thủy - Phòng kế toán, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, số tiền: 100.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:


Nợ TK 111: 100.000.000

Có TK 112: 100.000.000

Kế toán căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.22**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 111, TK 112. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt, kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy rút tiền, giấy báo nợ ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng (**Biểu số 2.24**).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập bảng Cân đối số tiền phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.15 : Giấy rút tiền


| | | |
|---|-----------------|----------------|
|  | Liên 2/Copy 2 | |
| | Số/No 1118 | |
| | Giao người nhận | |
| | Depositors copy | |
| GIẤY RÚT TIỀN Cash Deposit Slip Ngày/Date: 20/12/2020 | | |
| Tài khoản có/ Credit A/C No: | | |
| Tên tài khoản/ Account name: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng | | |
| Số tiền bằng chữ/ Inword: Một trăm triệu đồng chẵn | | |
| Người rút tiền/ Deposited by: Phùng Thị Thanh Thủy | | |
| Địa chỉ/Address: Phòng kế toán | | |
| Tại ngân hàng/with bank: TMCP Hàng Hải - Chi nhánh An Dương - HP | | |
| Nội dung rút/Remarks: Rút tiền từ tài khoản | | |
| Người rút tiền | Giao dịch viên | Kiểm soát viên |
| Depositors signature | Teller | Supervisor |

Số tiền bằng số
(Amount in figures)
100.000.000

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16 : Giấy báo nợ 1255

| | | |
|---|---|---------------------------------------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | |
|  | GIẤY BÁO NỢ For Customer ADVICE OF CREDIT Số/Seq No: CD 1255 | |
| Đơn vị/Branch: CN An Dương | Ngày/Date: 20/12/2020 | |
| MST/ Tax Code: 0200124891-020 | | |
| SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 000063 4 KÝ HIỆU CHỨNG TỪ TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG | | |
| Kính gửi/To: CTY TNHH KHI CN MESSER HẢI PHÒNG Mã số thuế/Tax Code: 020013481 Người chuyển tiền/Sender: Số TK/Account No: Ngân hàng/Bank: | Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được GHI NỢ như sau: <i>Please note that we have today CREDIT your account with the following entries:</i> | |
| DIỄN GIẢI / PARTICULAR | SỐ TIỀN/ AMOUNT (VND) | SỐ TIỀN QUY ĐỔI/ EQUIVALENT |
| Diễn giải: Rút tiền từ tài khoản | | |
| Số tiền GHI CÓ/ Credit Amount: | `100.000.000 | 100.000.000 |
| Phí dịch vụ/ Service Charge: | 0 | 0 |
| Thuế GTGT/ VAT: | 0 | 0 |
| Tổng số tiền GHI CÓ/ Total Credit Amount: | 100.000.000 | 100.000.000 |
| NV thực hiện giao dịch/ Teller _____ Người lập/ Prepare by | CB kiểm soát giao dịch/ Supervisor _____ Kiểm soát/ Verified by | _____ Giám đốc/ Approved by |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Phiếu thu số 1235

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
200/2014/TT/BTC

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo TT
200/2014/TT/BTC)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU TIỀN MẶT

Ngày: 20/12/2020

Số phiếu: 1235

| | |
|---------|-------------|
| Nợ 1111 | 100.000.000 |
| Có 112 | 100.000.000 |

Đơn vị: Phùng Thị Thanh Thủy
Địa chỉ: Phòng kế toán - Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng
Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt
Số tiền: 100.000.000d. (*Viết bằng chữ*) Một trăm triệu đồng chẵn
Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2020

| | | | | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thủ trưởng đv | Kế toán trưởng | Người lập | Người nộp tiền | Thủ quỹ |
| (<i>Ký, họ tên</i>) | (<i>Ký, họ tên</i>) | (<i>Ký, họ tên</i>) | (<i>Ký, họ tên</i>) | (<i>Ký, họ tên</i>) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc. đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Ví dụ 4: Ngày 28/12/2020, công ty thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế cho công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát số tiền 6.392.935 đồng (đã bao gồm VAT).

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 641: 5.811.759

Có TK 133: 581.176

Có TK 112: 6.392.935

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán công ty xuất phiếu duyệt chi và gửi giấy uỷ nhiệm chi đến Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh An Dương, HP. Ngân hàng nhận được Uỷ nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy báo Nợ, căn cứ vào các chứng từ: Hoá đơn GTGT số 0000952 (**Biểu số 2.18**), Uỷ nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết ngân hàng (**Biểu số 2.24**).

Từ uỷ nhiệm chi kế toán vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.22**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 112, TK 641, TK 133. Cuối kỳ từ Sổ cái các tài khoản kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP


Biểu số 2.18 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0000952

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|--|----------------------|--|---------------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/19P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000952 | | | |
| Ngày 28 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THUẬN PHÁT | | | | | |
| MST: 0 5 0 0 5 3 3 6 0 9 | | | | | |
| Địa chỉ: Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội Điện | | | | | |
| thoại: 0919472663 | | | Fax: | | |
| Tài khoản: 2206201000786 tại ngân hàng NN& PTNT huyện Chương Mỹ, TP | | | | | |
| Hà Nội | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: TRẦN THỊ HOA | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng Địa | | | | | |
| chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng MST: | | | | | |
| 020013481 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: CK | | | Số tài khoản: | | |
| STT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6= 4 x5 |
| 01 | Phí vận chuyển | | | | 5.811.759 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 5.811.759 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế giá trị gia tăng: | | | 581.176 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 6.392.935 |
| Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi năm đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)


Biểu số 2.19: Phiếu duyệt chi

| PHIẾU DUYỆT CHI | | MESSER  | |
|---|------------------|---|----------------|
| <i>APPLICATION FOR PAYMENT</i> | | Messer Haiphong | |
| Phiếu chi số/AFP No: Ngày lập/ Date: 28/12/2020 A/P đối chiếu/ APV No: | | | |
| Người được thanh toán (<i>Payer name</i>): Công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát | | Ngày yêu cầu | |
| | | <i>Date</i> | |
| | | Điều kiện thanh toán | |
| | | <i>Payment term</i> | |
| Diễn giải | | Mã chi phí | Số tiền |
| <i>Particulars</i> | | <i>Cost Center</i> | <i>Amount</i> |
| Thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế theo HD 000952 | | | 6.392.935 |
| | | | |
| | | | |
| Tổng- Total amount | | | 6.392.935 |
| Số tiền tạm ứng nếu có- Advance if any | | | |
| Số dư – Blance | | | |
| Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi năm đồng | | | |
| Người lập | | Trưởng phòng | |
| <i>Prepared by</i> | | <i>Departement Head</i> | |
| Ký duyệt | Chữ ký | Nhận xét | |
| <i>Acceptance</i> | <i>Signature</i> | <i>Comments</i> | |
| KTT | | | |
| PTGD | | | |
| TGD | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.20: Ủy nhiệm chi


| | |
|--|---|
|  | |
| ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER | |
| Chi nhánh An Dương MST(TAX COD): 0200124891-020 | Số (Seq no): 852 Ngày (Date): 28/12/2020 |
| Số tiền (Amount): <u>VND 6.392.935</u> | Phí ngân hàng: (Charges) Phí trong (Charge Included) Phí ngoài (Charge Excluded) |
| Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi năm đồng Nội dung: Thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế | |
| Người yêu cầu (Applicant): Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng Địa chỉ (Address): Thị trấn An Dương - huyện An Dương - Hải Phòng Số TK: 034 01 01 000063 4 Tại (w.Bank): TMCP Hàng Hải - Chi nhánh An Dương – Hải Phòng | Người hưởng (Beneficiary): Công ty TNHH TM & VT Thuận Phát Địa chỉ (Address): Tổ 44 - Cụm 4 - Phường Vĩnh Phúc - Q. Ba Đình - Hà Nội Số TK (A/c No): 2206201000786 Tại NH (w.Bank): Ngân hàng NN & PTNT huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội |
| Phân dành cho ngân hàng (For Bank Only) <ul style="list-style-type: none">• MST Khách hàng• Tổng cộng ghi nợ• Phí ngân hàng• Thuế VAT• Số tiền chuyển | Người yêu cầu ghi họ và tên, đóng dấu (Applicant ,s signature, named and Stamp) Kế toán trưởng (Chief Accountant) Chủ tài khoản (A/c Holder) |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | |
|----------------|--|
| | Dành cho ngân hàng/người hưởng/NH trung gian (For Beneficiary/ Intermediary Bank) |
| Giao dịch viên | Kiểm soát viên |
| | Giám đốc |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.21 : Giấy báo nợ của ngân hàng số 1328

| | | | | |
|---|--|---|--|---|
|  | | GIẤY BÁO NỢ | | Liên 2: Giao khách hàng (For Customer) |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | | ADVICE OF DEBIT | | Số/ Seq No: 1328 |
| | | | | Ngày/Date: 28/12/2020 |
| SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 0000634 | | | | |
| <u>KÝ HIỆU CHỨNG TỪ</u> | | | | |
| TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG | | | | |
| Kính gửi (To) | | Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được ghi NỢ như sau <i>Please note that we have today DEBIT your account with the following entries</i> | | |
| DIỄN GIẢI / PARTICULAR | | SỐ TIỀN/ AMOUNT | | |
| Số giao dịch | | 0200134811 | | |
| Số tiền ghi nợ | | 6.392.935.00 VND | | |
| Phí dịch vụ | | 0.00 VND | | |
| Thuế GTGT | | 0.00 VND | | |
| Tổng số tiền ghi nợ | | 6.392.935.00 VND | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | |
|---|------------------------|-----------------------|
| 034 0003 DD034004 MG034018 034-2-121218-00015 | | |
| Người hưởng: CONG TY TNHH TM & VT THUAN PHAT TK NH : 1261000001960 | | |
| 25/12/2012 13: 09 7051 8219 OTA OL12 – CUNG TINH UNDER 500M – D 034-01-01-000063-4 VND | | |
| CTY TNHH KHI CONG NGHIEP MESSER HAI PHONG | | |
| DR 6.392.935 VND CR 6.392.935 VND NH NN VA PTNT CN TT THANH TOAN | | |
| _____ | _____ | _____ |
| Người lập(Prepared by) | Kiểm soát(Verified by) | Giám đốc(Approved by) |

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.22: Trích trang Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng
TT200/2014/TT/BTC

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng, ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK | Số phát sinh | |
|---------------------|-------------------|-------------|--|-------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| 02/12 | PT 1095 | 02/12 | Khách hàng thanh toán tiền | 111 131 | 3.564.000 | 3.564.000 |
| | | | | | | |
| 05/12 | HĐ 842 BC 1032 | 05/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Alutec Vina | 112 511 333 | 28.274.400 | 25.704.000 2.570.400 |
| | | | | | | |
| 08/12 | BC 1041 | 08/12 | Công ty CN XD Đại Phong trả nợ | 112 131 | 29.702.000 | 29.702.000 |
| | | | | | | |
| 10/12 | HĐ 888 PT 1121 | 10/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty CP TM DV Đình Vũ | 111 511 333 | 2.156.000 | 1.960.000 196.000 |
| | | | | | | |
| 17/12 | HĐ 923 PC 1141 | 15/12 | Chi phí tiếp khách | 642 133 111 | 5.800.000 580.000 | 6.380.000 |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | |
|--------------------------|---------|-------|------------------------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| 20/12 | BN 1255 | 20/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhận quỹ | 111 | 100.000.000 | |
| | PT 1141 | | | 112 | | 100.000.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | PC 1162 | 25/12 | Thanh toán phí thuê xe tháng 12 | 641 | 7.500.000 | |
| | | | | 133 | 750.000 | |
| | | | | 1111 | | 8.250.000 |
| | | | | | | |
| 28/12 | HD 952 | 28/12 | Thanh toán cước CPN | 641 | 5.811.759 | |
| | BN 1328 | | | 133 | 581.176 | |
| | | | | 112 | | 6.392.935 |
| | | | | | | |
| Cộng số phát sinh | | | | | 31.552.214.599 | 31.552.214.599 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu 2.23: Trích sổ cái TK 112

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b – DN

Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
200/214/TT/BTC

(Ban hành theo TT

BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Tài khoản: 112

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng, ghi sổ | Chứng Từ | | Diễn Giải | Số hiệu TKĐÚ | Số tiền | |
|---------------------|----------|-------------|--|--------------|----------------------|-------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh | | 1.737.660.175 | |
| | | | | | | |
| 5/12 | HD 888 | 05/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Alutec Vina | 511 | 25.704.000 | |
| | BC 1032 | | | 333 | 2.570.400 | |
| | | | | | | |
| 8/12 | BC 1041 | 8/12 | Công ty CN XD Đại Phong trả nợ | 131 | 29.702.000 | |
| | | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | |
|-------|-------------------|-------|---------------------------------------|-------|----------------------|----------------------|
| 10/12 | BN 1109 | 10/12 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 515 | 6.932.234 | |
| | | | | | | |
| 20/12 | BN 1255 PT 601 | 20/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ | 111 | | 100.000.000 |
| | | | | | | |
| 28/12 | HD 952 | 25/12 | Thanh toán cước CPN | 641 | | 5.811.759 |
| | BN 1328 | | | 133 | | 581.176 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh tháng | | 4.399.015.415 | 4.842.691.846 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | 1.293.983.744 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.24: Sổ tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
200/214/TT/BTC

Mẫu số: S06 – DN
(Ban hành theo TT

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng

BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2020

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | | |
|------------|---------------|--|------------------|------------|-----|--------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Thu | Chi | Còn lại |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | 910.672.225 |
| | | Số phát sinh | | | | |
| | | | | | | |
| BC 1032 | 05/12 | Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Alutec Vina | 511 | 25.704.000 | | |
| | | | 333 | 2.570.400 | | 1.012.152.523 |
| | | | | | | |
| BC 1041 | 8/12 | Công ty CN XD Đại Phong trả nợ | 131 | 29.702.000 | | 1.234.254.325 |
| | | | | | | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | |
|------------|-------|---------------------------------------|-----|----------------------|----------------------|--------------------|
| BN 1109 | 10/12 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 515 | 6.932.234 | | 953.248.364 |
| | | | | | | |
| BN 1225 | 20/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ | 111 | | 100.000.000 | 700.152.247 |
| | | | | | | |
| BN 1289 | 22/12 | Trả nợ tiền mua hàng | 331 | | 21.560.000 | 842.214.257 |
| | | | | | | |
| BN 1328 | 25/12 | Thanh toán cước CPN | 641 | | 5.811.759 | |
| | | | 133 | | 581.176 | 682.352.987 |
| | | | | | | |
| | | Cộng phát sinh tháng | | 2.145.245.365 | 2.563.459.023 | |
| | | Số dư cuối kỳ | | | | 492.458.567 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

| | | |
|---|--|--|
| Thủ quỹ (Ký, họ tên) (Đã ký) | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) (Đã ký) | Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) (Đã ký) |
|---|--|--|

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương Hải Phòng
200/214/TT/BTC

Mẫu số: S05a – DN
(Ban hành theo TT

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng

BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2020

| TT | Tên ngân hàng | Tồn đầu kỳ | Gửi vào | Rút ra | Tồn cuối kỳ |
|----|---------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Maritime Bank | 910.672.225 | 2.145.245.365 | 2.563.459.023 | 492.458.567 |
| 2 | Indovina Bank | 613.432.345 | 1.329.245.925 | 1.424.987.111 | 517.691.159 |
| 3 | Vietin Bank | 213.555.605 | 924.524.125 | 854.245.712 | 283.834.018 |
| | Cộng | 1.737.660.175 | 4.399.015.415 | 4.842.691.846 | 1.293.983.744 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu và nhược điểm như sau:

3.1.1. Ưu điểm:

❖ *Về bộ máy kế toán:*

Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ, nhiệt tình trong công việc cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin từ kế toán. Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra các

chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

Các nghiệp vụ phát sinh được cập nhập hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính chất liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá đến mức tối đa, cho phép ghi chép một các tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Kế toán phản ánh các nghiệp vụ phát sinh tuân thủ đầy đủ theo đúng chế độ kế toán, các nghiệp vụ được hạch toán theo trình tự thời gian rất hợp lý, đáp ứng thuận tiện cho công tác theo dõi.

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung, đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, không những giúp cho kế toán viên thuận tiện trong việc ghi chép, sử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm thời gian, công sức và tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Cùng với sự hỗ trợ của kế toán Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức.

❖ Về chứng từ sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT số 200/214/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ Tài Chính. Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu được phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra.

❖ Về sổ sách kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không chỉ cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng lập ra những sổ kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh chính xác, minh bạch các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tăng hiệu quả giám sát và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện cho việc theo

đổi các nghiệp vụ kinh tế. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi biến động của vốn bằng tiền hoàn thành tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

❖ *Về hạch toán kế toán:*

Đối với tiền mặt: Tiền mặt của công ty do thủ quỹ quản lý, chịu trách nhiệm thu, chi. Việc thu, chi tiền mặt cần dựa trên các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ. Dựa vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày để lập sổ quỹ tiền mặt giúp cho việc quản lý tiền mặt được thực hiện hiệu quả. Thông qua sổ sách sẽ giúp cho kế toán có thể so sánh các số liệu với sổ quỹ một cách tối ưu, thuận tiện, đơn giản, chính xác, giúp phát hiện được những sai sót, tìm ra nguyên nhân và đưa ra các xử lý chênh lệch kịp thời.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ, đối chiếu và theo dõi đầy đủ các chứng từ Ngân hàng. Căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có giúp cho kế toán thuận tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi ngân hàng một cách tốt hơn.

3.1.2. Hạn chế:

Mặc dù, tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành. Bên cạnh những ưu điểm trên, công ty vẫn còn hạn chế trong quá trình hạch toán.

❖ *Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kì:*

Lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhằm lẫn hoặc các hàng vi gian lận trong quản lý tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ cuối năm một lần. Do đó, khó xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

❖ *Về công tác thanh toán:*

Công ty không sử dụng một cách triệt để việc thanh toán qua ngân hàng. Những khoản tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản tuy nhiên có nhiều khoản tiền dưới 20 triệu đồng công ty thực hiện bằng cách thanh toán tiền mặt, điều này cho thấy công ty không sử dụng hết

lợi thế của việc thanh toán bằng chuyển khoản làm ảnh hưởng đến an toàn tiền quỹ của công ty, có thể xảy ra mất mát. Mặt khác lượng tồn quỹ tại công ty quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ *Về việc hiện đại hóa công tác kế toán:*

Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng chưa sử dụng phần mềm kế toán để phục vụ công tác kế toán nên vẫn chưa phát huy được hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên. Việc áp dụng kế toán thủ công làm tăng thêm thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc nhiều dẫn đến sai sót. Vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán không những giảm nhẹ được áp lực và khối lượng công việc mà còn đem lại hiệu quả công việc cao.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Hiện nay, tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng chưa được hoàn thiện gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển.

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ sở để doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ cũng như mục tiêu của mình. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích và yêu cầu hoàn thiện:

Điều quan trọng nhất đối với doanh nghiệp thì yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Chính vì vậy, cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:

Việc nâng cao hiệu quả vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh còn phải hạn chế những điểm còn yếu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng nhằm giúp việc kinh doanh đạt hiệu quả tốt hơn.

Sau khi được tìm hiểu dưới sự chỉ bảo nhiệt tình của thầy cô và cán bộ trong công ty về các phân hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Em xin được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng.

➤ Thứ nhất, hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt:

Nhằm để quản lý chặt chẽ tiền mặt tại quỹ công ty cần tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số lượng từng loại tiền và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ bao gồm hai bản:

- Một bản sao lưu ở quỹ

- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán
- ❖ Thực tế khi tiến hành kiểm kê quỹ có thể xảy ra các trường hợp thừa, thiếu tiền so với sổ sách. Những trường hợp đó công ty sẽ xử lý như sau:
 - ✓ Trường hợp phát hiện thừa khi kiểm kê:
 - Căn cứ vào biên bản kiểm kê:

Nếu chưa xác định được nguyên nhân thì phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị khoản tiền thừa:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Có TK 3381 – Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định xử lý tiền thừa:

Nợ TK 3381- Phải trả, phải nộp khác

Có TK 711- Thu nhập khác

Có các TK liên quan

- ✓ Trường hợp phát hiện thiếu khi kiểm kê:

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê:

Nợ TK 1381- Phải trả, phải nộp khác

Có TK 111- Tiền mặt

- Khi có quyết định xử lý khoản tiền thiếu (không xác định được nguyên nhân), căn cứ vào quyết định:

Nợ TK 1388: Phải thu khác (Thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 111,112: Tiền mặt hoặc chuyển khoản (Người phạm lỗi nộp tiền)

Nợ 334: Phải trả người lao động (Trừ vào lương của người phạm lỗi)

Có TK 1381: Phải Thu khác

Sau đây là bảng kiểm kê quỹ :

Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ

| | |
|--|---|
| Đơn vị: | Mẫu số 08 – TT |
| Bộ Phận: | (Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của BTC) |
| BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ) | |
| | Số: |
| Hôm nay, vào....giờ.....ngày..... tháng.....năm. | |
| Đặng Ngọc Linh - QT1702K | 84 |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:..... đại diện kế toán
- Ông/Bà: đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà: đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn Giải | Số Lượng | Số Tiền |
|-----|-------------------------|----------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ | x | |
| II | Số kiểm kê thực tế | x | |
| 1 | Trong đó - Loại | | |
| 2 | - Loại | | |
| 3 | - Loại | | |
| 4 | - Loại | | |
| 5 | - | | |
| III | Chênh lệch (III= I-II): | x | |

Lý do +Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm tiền quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Bảng kiểm kê

| | |
|--|---|
| Đơn vị: Công ty TNHH Khí Công nghiệp Messer Hải Phòng BTC | Mẫu số 08 – TT (Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT- BTC) |
| Bộ Phận: | Ngày 22/12/2014 của BTC) |
| BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ) | |
| 01/2020 | Số: |
| Hôm nay, vào 16 giờ 30 ngày 31 tháng 12 năm 2020 | |
| Chúng tôi gồm: | |
| Đặng Ngọc Linh - QT1702K | |

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Lý Đại diện kế toán
- Ông/Bà: Trần Thị Hoa Đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà: Nguyễn Hoàng Vũ Đại diện giám đốc

Cùng tiền hàng kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn Giải | Số Lượng | Số Tiền |
|-----|-------------------------|----------|-------------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ | x | 696.056.850 |
| II | Số kiểm kê thực tế | x | 696.056.000 |
| 1 | Trong đó - Loại 500.000 | 1.130 | 565.000.000 |
| 2 | - Loại 200.000 | 600 | 120.000.000 |
| 3 | - Loại 100.000 | 110 | 11.000.000 |
| 4 | - Loại 50.000 | 1 | 50.000 |
| 5 | - Loại 1.000 | 6 | 6.000 |
| III | Chênh lệch (III= I-II): | x | 850 |

Lý do: Thiếu do không có mệnh giá tiền lẻ khi thanh toán

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Quỹ đủ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm tiền quỹ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH Khí công nghiệp Meeser Hải Phòng)

➤ **Thứ hai, hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng:**

Với xu hướng hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt với những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi việc thanh toán các khoản tiền qua Ngân hàng có ưu điểm sau:

- Hiện nay hệ thống Ngân hàng phát triển trên toàn quốc, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà còn có các Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại

tiền tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng rất nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng.

- Thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, gian lận, tránh sai sót trong quá trình hạch toán.

- Mặt khác lượng tiền gửi Ngân hàng còn đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

- Bên cạnh đó, công ty có thể tiến hành việc trả lương theo hình thức thanh toán qua thẻ ATM, việc này sẽ làm giảm áp lực cho thủ quỹ, tránh những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình trả lương và không tồn một khoản tiền tại quỹ.

➤ *Thứ ba, hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán:*

Mặc dù công tác hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của tin học qua chương trình Microsofl Excel, song đối với công tác thì chưa phải là giải pháp tốt nhất và tối ưu nhất. Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, có nhiều phần mềm kế toán ưu việt thì việc áp dụng một phần mềm kế toán vào là rất cần thiết.

Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán phù hợp với mô hình kinh doanh của công ty mà công ty có thể tham khảo như: MISA, Smart Pro, Link Q...

Với quy mô hiện nay của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng như hiện nay thì em xin được giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến, phù hợp với doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán MISA: đây là phần mềm kế toán được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng.

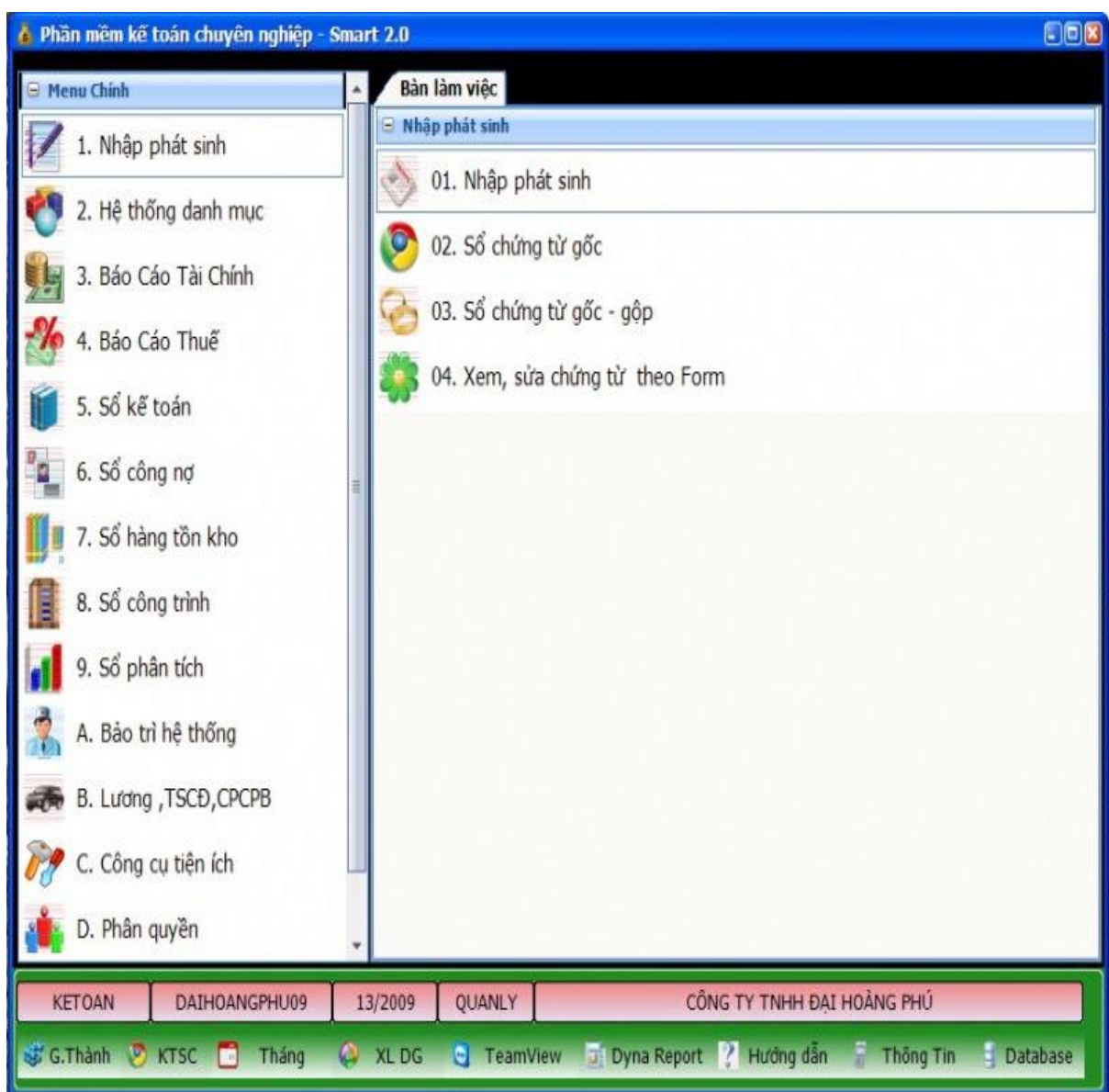
- ✓ Giao diện dễ sử dụng, triển khai dễ dàng, nhanh chóng
- ✓ Giá cả hợp lý giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí
- ✓ Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhu cầu quản lý của đơn vị
- ✓ Các dữ liệu tính toán trong MISA đảm bảo độ chính xác
- ✓ Tính bảo mật cao

- ✓ Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập dữ liệu nhanh chóng.



Phần mềm kế toán Smart Pro:

- ✓ Nhập dữ liệu kế toán đơn giản, dễ sử dụng, ít thao tác
- ✓ Nhập dữ liệu nhanh chóng do ít thao tác, dễ quản lý, dễ bảo trì và nâng cấp cũng như chỉnh sửa biểu mẫu báo cáo mới của Bộ Tài Chính.
- ✓ Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, xử lý nhanh, ít tốn tài nguyên máy
- ✓ Tính ổn định cao



KẾT LUẬN

Khoá luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

- Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề tổng quan về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn:
 - Phản ánh thực trạng về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng với số liệu tháng 12 năm 2020.
 - Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng:
 - Công ty nên hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.
 - Công ty nên hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng.
 - Công ty nên hoàn thiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình, nhưng do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên bài viết không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế. Em rất mong được tiếp thu và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khoá luận hoàn thiện hơn,

Hải phòng, ngày tháng năm

Sinh Viên

Đặng Ngọc Linh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán trong doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán trong doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài Chính.
3. Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng (2020) , *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng Internet
5. Thông tư 200/2014/TT-BTC(2014), *Hướng dẫn Chế độ Kế toán trong doanh nghiệp*, Bộ Tài Chính.